***Thứ hai ngày 21 tháng 10 năm 2024***

**BÀI 4. CÓ CHÍ THÌ NÊN**

**CHIA SẺ VỀ CHỦ ĐIỂM** (15 phút)

**1. Trò chơi: *Đuổi hình bắt chữ***

###### ***1.1. Tìm từ ngữ thích hợp thay cho hình gợi ý để hoàn chỉnh các câu tục ngữ***

- Mời 1 – 2 HS đọc Câu hỏi 1 của phần *Chia sẻ*.

***\**** *Tổ chức cho HS chơi trò chơi* ***Đuổi hình bắt chữ***

- GV nêu luật chơi (kết hợp chỉ câu 1): Có 2 câu tục ngữ a, b. Trong 2 câu tục ngữ đó có 3 hình ảnh tương ứng với 3 từ khoá. Nhiệm vụ của các em là thay các hình ảnh đó bằng từ thích hợp để hoàn chỉnh 2 câu tục ngữ trên cả về nội dung và cấu tạo.

- Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi trong 2 phút, tìm từ thay cho hình.

- Đại diện một số nhóm báo cáo kết quả (có thể tổ chức trò chơi hỏi đáp / “Ai nhanh, ai đúng” / ...); các HS khác nêu ý kiến.

- GV hỏi: Vì sao nhóm em lại chọn từ “vàng” thay cho hình ảnh này? (Hỏi tương tự với 2 hình còn lại) – HS nêu ý kiến.

- GV có thể giải thích về các hình vẽ, nếu cần: Đó là hình thỏi vàng (vàng là kim loại chịu nhiệt cao, không bị chảy trong ngọn lửa thông thường; người ta thường dùng lửa để kiểm tra vàng thật hay vàng giả), cánh tay (thể hiện sức lực), mái chèo (người vững tay chèo mới đưa được con thuyền ra khỏi chỗ có sóng lớn).

- GV nhận xét, chốt đáp án đúng.

- GV chiếu 2 câu tục ngữ đã hoàn chỉnh (nếu có điều kiện) hoặc gắn bảng phụ có viết sẵn 2 câu tục ngữ đã hoàn chỉnh. - Mời HS đọc lại.

##### Đáp án:

*a) Lửa thử* ***vàng****, gian nan thử* ***sức****.*

*b) Chớ thấy sóng**cả mà ngã tay* ***chèo****.*

###### ***1.2. Trao đổi: Hai câu tục ngữ trên khuyên ta điều gì?***

- Mời 1 HS đọc Câu hỏi 2 trong phần *Chia sẻ*.

- Yêu cầu HS trao đổi trong nhóm đôi, trả lời CH 2.

Nếu HS lúng túng, GV có thể gợi ý để HS tìm nội dung phù hợp với mỗi câu tục ngữ mới hoàn thành.

- Gọi đại diện một số nhóm HS nêu ý kiến; các HS khác bổ sung.

- GV nhận xét, nêu câu trả lời đúng:

a) Câu tục ngữ *Lửa thử vàng, gian nan thử sức* khuyên ta chớ nản lòng khi gặp khó khăn.

b) Câu tục ngữ *Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo* khuyên ta quyết tâm theo đuổi mục tiêu đã chọn.

##### **2. Giáo viên giới thiệu chủ điểm và Bài đọc 1**

**BÀI ĐỌC 1**

**SỰ TÍCH DƯA HẤU**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

##### **1. Phát triển các năng lực đặc thù**

##### ***1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ***

- Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà HS địa phương dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng. Thể hiện được tình cảm, cảm xúc phù hợp với nội dung bài đọc. Tốc độ đọc 90 – 95 tiếng / phút. Đọc thầm nhanh hơn lớp 4.

- Hiểu nghĩa của các từ ngữ khó trong bài. Hiểu nội dung và ý nghĩa của bài đọc: *Thông qua sự tích dưa hấu, bài đọc đề cao tinh thần tự lực, quyết tâm vượt qua mọi khó khăn để thành công.*

###### ***1.2. Phát triển năng lực văn học***

Phát hiện được những từ ngữ và chi tiết hay; bày tỏ được sự yêu thích đối với những chi tiết, hình ảnh ấy.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

**2.1. Phát triển các năng lực chung**

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Chủ động trao đổi, thảo luận với bạn để tìm hiểu nghĩa các từ khó, từ ít dùng; biết cùng các bạn thảo luận nhóm; trả lời các câu hỏi đọc hiểu trong bài.

- *Năng lực tự chủ và tự học*: Chủ động tìm hiểu bài đọc để trả lời đúng các CH đọc hiểu

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Chủ động tìm hiểu bài đọc để nói đúng các phẩm chất của vợ chồng Mai An Tiêm, nêu đúng ý nghĩa bài đọc để con người học tập theo.

**2.1. Phát triển các phẩm chất**

- *Phẩm chất chăm chỉ:* Thể hiện ở tinh thần quyết tâm khắc phục khó khăn, cố gắng học tập và lao động.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV chuẩn bị: máy tính, máy chiếu, tranh minh hoạ nội dung bài đọc.

- HS chuẩn bị: SGK *Tiếng Việt 5* (tập một); vở ô li hoặc vở bài tập Tiếng Việt 5

**III.** **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | |
| **- GV đưa quả dưa hấu thật cho HS quan sát và hỏi: Đây là quả gì?**  **- GV giới thiệu bài:** | - HS quan sát, trả lời: Quả dưa hấu  - HS lắng nghe GV giới thiệu, đọc thầm đề bài và xem tranh minh hoạ ở SGK/52, 53 |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN** **THỨC** | |
| **Hoạt động 1: Đọc thành tiếng**  **\*Cách tiến hành:**  - GV đọc mẫu, kết hợp giải nghĩa từ ngữ khó và những từ ngữ khác, nếu thấy cần thiết đối với HS địa phương, ví dụ: nhún nhường, chịu thương chịu khó, hoang vu, trời luôn có mắt…  - GV tổ chức cho HS chia đoạn và đọc nối tiếp các đoạn theo nhóm.  Bài đọc gồm 4 đoạn: + Đoạn 1: từ đầu đến *... ra một đảo xa*. ; + Đoạn 2: từ *Hôm đặt chân lên bãi cát...* đến *... làm thức ăn*. ; + Đoạn 3: từ *Một hôm, có chiếc thuyền đánh cá*... đến ... *đầy đủ như xưa*. ; + Đoạn 4: Phần còn lại.  - GV tổ chức và hướng dẫn cho HS luyện đọc theo nhóm 4.  + GV chia nhóm, yêu cầu từng nhóm HS đọc bài, mỗi nhóm 4 em đọc tiếp nối đến hết bài.  + GV sửa lỗi phát âm, uốn nắn tư thế đọc cho HS. Nhắc HS ngắt nghỉ hơi ở các dấu chấm, dấu phẩy, giọng đọc phù hợp với nhân vật.  - GV mời đại diện nhóm đọc (ít nhất là 2 nhóm), sau đó cho các HS khác nhận xét.  - GV nhấn mạnh vào những từ ngữ khó đọc và những từ ngữ dễ mắc lỗi sai khi đọc: tin dùng, nhún nhường, đày, tiếng đồn, dò xét, …  - GV gọi 1 HS đọc toàn bài  **Hoạt động 2: Đọc hiểu**  **\*Cách tiến hành:**  - GV mời 5 HS tiếp nối nhau đọc to, rõ ràng 5 câu hỏi  - GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm 4 người theo các câu hỏi tìm hiểu bài. HS trả lời câu hỏi bằng trò chơi Phỏng vấn.  - GV cho HS thực hiện trò chơi *Phỏng vấn*  + Mỗi nhóm cử 1 đại diện tham gia.  + Đại diện nhóm 1 đóng vai phóng viên, phỏng vấn đại diện nhóm 2. Nhóm 2 trả lời, sau đó đổi vai.  *1. Vì sao Vua Hùng tin dùng và gả con gái nuôi cho Mai An Tiêm?*  *2. Vì sao gia đình Mai An Tiêm bị nhà vua đày ra đảo xa?*  *3. Theo em, phẩm chất nào đã giúp vợ chồng Mai An Tiêm vượt qua khó khăn?*  *4. Em thích câu nói nào của Mai An Tiêm? Vì sao?*  *5.* *Chi tiết nhà vua khen thầm và cho triệu gia đình Mai An Tiêm trở về nói lên điều gì?*  - GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi và động viên HS các nhóm. GV chốt lại 5 câu hỏi trên.  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Qua việc trả lời các câu hỏi trên, em hãy cho biết bài đọc muốn nói với các em điều gì?  - Gọi HS nhắc lại nội dung bài đọc | - HS lắng nghe GV đọc mẫu, đọc thầm theo.  - HS cùng GV giải nghĩa từ khó:  - HS cùng GV chia đoạn.  - HS luyện đọc đoạn theo nhóm 4.  - Một số nhóm đọc to trước lớp theo yêu cầu của GV. Các nhóm còn lại nhận xét bạn đọc.  - Học sinh phát hiện những từ khó đọc; Thực hành luyện đọc từ khó.  - 1 HS đọc toàn bài. Cả lớp đọc thầm.  - HS đọc nối tiếp 5 câu hỏi theo yêu cầu của GV.  - HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm 4 người theo các câu hỏi tìm hiểu bài.  - HS thực hiện trò chơi *Phỏng vấn*  + Vì Mai An Tiêm rất tài giỏi.  + Vì Mai An Tiêm nói rằng những điều mình có được là nhờ chịu thương chịu khó; có kẻ ghen ghét, tâu với Vua Hùng, khiến Vua nghĩ rằng Mai An Tiêm vô ơn.  + HS nói theo suy nghĩ cá nhân. *VD: Đó là phẩm chất chăm chỉ / quyết tâm / không chịu đầu hàng khó khăn / thông minh, sáng tạo /* ...  + HS nói theo suy nghĩ cá nhân. VD:  *Em thích câu nói “Tất cả cũng là nhờ chịu thương chịu khó thôi.”. Vì câu nói đó cho thấy Mai An Tiêm rất chăm chỉ / tự tin vào những nỗ lực của mình. / Vì câu nói đó cho thấy Mai An Tiêm rất khiêm tốn. / ...*  *Em thích hai câu “Trời luôn có mắt. Nàng đừng lo!”. Vì hai câu nói đó cho thấy Mai An Tiêm rất tự tin / rất quyết tâm / rất dũng cảm / rất mạnh mẽ. / Vì hai câu nói đó cho thấy Mai An Tiêm là người rất bình tĩnh / không bao giờ lùi bước trước khó khăn. / Vì hai câu nói đó cho thấy Mai An Tiêm rất tin vào lẽ công bằng. / …*  + HS nói theo suy nghĩ cá nhân. *VD: Ý chí, nghị lực có thể giúp con người vượt qua mọi khó khăn. / Ý chí, nghị lực có thể giúp con người thành công. / Ý chí, nghị lực của một người có thể khiến người khác chuyển từ tức giận thành yêu thương. / ...*  - HS lắng nghe  - 2-3 HS trả lời: ***Thông qua sự tích dưa hấu, bài đọc đề cao tinh thần tự lực, quyết tâm vượt qua mọi khó khăn để thành công.***  - HS nhắc lại |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | |
| **Hoạt động 3: Đọc diễn cảm bài đọc**  **\*Cách tiến hành:**  - Mời 4 HS đọc diễn cảm nối tiếp từng đoạn trong bài đọc.  - GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm một phần của đoạn 3 với giọng đọc phù hợp với nhân vật; ngắt nghỉ đúng chỗ; biết nhấn mạnh vào những từ ngữ quan trọng.    - Tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm phần đoạn 3 đã luyện.  - GV nhận xét HS. | *-* 4 HS đọc diễn cảm nối tiếp từng đoạn trong bài đọc.  ***+*** *Hôm đặt chân lên bãi cát hoang vu, / vợ chàng lo lắng bảo: //*  *- Chúng ta* ***chết ở đây*** *mất thôi. //*  *- Trời* ***luôn có mắt****. // Nàng đừng lo! // – An Tiêm an ủi vợ.*  ***+*** *Ít lâu sau, / hạt nảy mầm, / mọc ra một loại cây bò lan, /* ***xanh um*** *cả bãi cát. // Rồi cây ra quả. // Hoá ra, / đó là một loại dưa ruột đỏ tươi, / hạt đen nhánh, / vị* ***ngọt và thanh mát****. // Từ hôm đó, / hai vợ chồng cố trồng thêm* ***thật nhiều*** *dưa làm thức ăn.*  - HS thi đọc  - HS nhận xét |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM** | |
| - GV nêu câu hỏi: Em biết được điều gì sau khi học bài đọc Sự tích dưa hấu? Em học tập được điều gì ở những phẩm chất tốt đẹp của vợ chồng Mai An Tiêm?  - GV nhận xét, khích lệ những suy nghĩ tích cực của HS.  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS tốt.  - Dặn dò: GV dặn HS về nhà đọc truyện (hoặc thơ, bài văn, bài báo) theo yêu cầu trong SGK (*Tiếng Việt 5*, tập một, trang 54). HS có thể tìm truyện trong quyển *Truyện đọc lớp 5*. | - Một HS đóng vai phóng viên hỏi, các HS được hỏi trả lời.  - HS nhận xét  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:** .............................................................................

...............................................................................................................................................

**TOÁN: LÀM TRÒN SỐ THẬP PHÂN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù:**

- HS hiểu được cách làm tròn số thập phân, vận dụng được cách làm tròn số thập phân trong một số trường hợp đơn giản.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập. Xác định nhiệm vụ của nhóm, trách nhiệm của bản thân đưa ra ý kiến đóng góp hoàn thành nhiệm vụ của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

- Tư duy lập luận toán học.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: HS chủ động hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: HS yêu thích, say mê môn Toán, có trách nhiệm với công việc chung của nhóm.

- Phẩm chất trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

- Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.

- Nhân ái, tôn trọng, giúp đỡ bạn cùng tiến bộ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. GV:**

- TV, máy tính, bảng phụ, bài giảng PPT, phấn màu.

**2. HS:**

- Bút dạ, bảng con.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (5 phút)** | |
| - GV cho HS lấy VD về số có 7 chữ số, yêu cầu HS làm tròn số đó đến hàng chục nghìn.  - GV gọi HS chia sẻ trước lớp.  - GV yêu cầu HS quan sát tranh, tìm hiểu câu hỏi: “Làm tròn số thập phân đến hàng đơn vị ta thu được số nào?”  - GV cho nhận xét và giới thiệu bài. | - HS lấy VD và thực hiện theo yêu cầu ra bảng con.  - HS chia sẻ trước lớp.  - HS quan sát tranh, thảo luận theo cặp đôi.  - HS lắng nghe. |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (15 phút)** | |
| \* Làm tròn số thập phân đến hàng đơn vị  - GV yêu cầu HS quan sát tia số, nêu nhận xét về vị trí của số 6,2; 6,5 và 6,7 khi làm tròn đến hàng đơn vị.  - GV gọi HS chia sẻ.  - GV cho nhận xét.  \* Làm tròn số thập phân đến hàng phần mười  - GV yêu cầu HS quan sát tia số, nêu nhận xét về vị trí của số 3,63; 3,65 và 3,68 khi làm tròn đến hàng phần mười.  - GV gọi HS chia sẻ.  - GV cho nhận xét.  \* Làm tròn số thập phân đến hàng phần trăm  - GV yêu cầu HS quan sát tia số, nêu nhận xét về vị trí của số 3,172; 3,175 và 3,176 khi làm tròn đến hàng phần trăm.  - GV gọi HS chia sẻ.  - GV cho nhận xét.  - GV yêu cầu HS lấy VD số thập phân có 3 chữ số ở phần thập phân rồi làm tròn đến hàng đơn vị, hàng phần mười, hàng phần trăm. | - HS quan sát tia số, nêu nhận xét:  + Trên tia số, số 6,2 gần với số 6, nên khi làm tròn số 6,2 đến hàng đơn vị, ta được số 6.  Tương tự với các số 6,1; 6,3; 6,4 khi làm tròn đến hàng đơn vị ta được số 6.  + Trên tia số, số 6,7 gần với số 7, nên khi làm tròn số 6,7 đến hàng đơn vị, ta được số 7.  Tương tự với các số 6,6; 6,8; 6,9 khi làm tròn đến hàng đơn vị ta được số 7.  + Số 6,5 cách đều 2 số 6 và 7; nên theo quy tắc đã học thì 6,5 được làm tròn lên số 7  - HS chia sẻ, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS quan sát tia số, nêu nhận xét:  + Trên tia số, số 3,63 gần với số 3,6 nên khi làm tròn số 3,63 đến hàng phần mười, ta được số 3,6.  Tương tự với các số 3,61; 3,62; 3,64 khi làm tròn đến hàng phần mười, ta được số 3,6.  + Trên tia số, số 3,68 gần với số 3,7 nên khi làm tròn số 3,68 đến hàng phần mười, ta được số 3,7.  Tương tự với các số 3,66; 3,67; 3,69 khi làm tròn đến hàng phần mười, ta được số 3,7.  + Số 3,65 cách đều 2 số 3,6 và 3,7; nên theo quy tắc đã học thì 3,65 được làm tròn lên số 3,7.  - HS chia sẻ, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS quan sát tia số, nêu nhận xét:  + Trên tia số, số 3,172 gần với số 3,17 nên khi làm tròn số 3,172 đến hàng phần trăm, ta được số 3,17.  Tương tự với các số 3,171; 3,173; 3,174 khi làm tròn đến hàng phần trăm, ta được số 3,17.  + Trên tia số, số 3,176 gần với số 3,18; nên khi làm tròn số 3,176 đến hàng phần trăm, ta được số 3,18.  Tương tự với các số 3,177; 3,178; 3,179 khi làm tròn đến hàng phần trăm, ta được số 3,18.  + Số 3,175 cách đều 2 số 3,17 và 3,18; nên theo quy tắc đã học thì 3,175 được làm tròn lên số 3,18.  - HS chia sẻ, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS lấy VD rồi chia sẻ trước lớp. |
| **C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP (15 phút)** | |
| **Bài 1:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS làm bài rồi chia sẻ theo cặp đôi.  - GV gọi HS chia sẻ trước lớp.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực.  - GV cho HS nhắc lại quy tắc về làm tròn số.  **Bài 2:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS làm bài vào vở rồi chia sẻ theo cặp đôi.  - GV cho HS chia sẻ bài làm.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực.  \* Củng cố, dặn dò (3 phút)  - GV cho HS nhắc lại quy tắc về làm tròn số thập phân đến hàng đơn vị, hàng phần mười, hàng phần trăm.  - GV dặn HS xem và chuẩn bị trước bài sau. | - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS chia sẻ theo cặp:  8,3 làm tròn đến hàng đơn vị được 8  12,52 làm tròn đến hàng đơn vị được 13  36,738 làm tròn đến hàng đơn vị được 37  - HS chia sẻ trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS nhắc lại.  - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS làm vở rồi chia sẻ theo cặp đôi:  9,25 làm tròn đến hàng phần mười ta được 9,3  12,34 làm tròn đến hàng phần mười ta được 12,3  23,296 làm tròn đến hàng phần mười ta được 23,3  - HS chia sẻ bài trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS nhắc lại.  - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:** .............................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

***Thứ ba ngày 22 tháng 10 năm 2024***

**BÀI VIẾT 1**

**LUYỆN TẬP TẢ NGƯỜI**

***(Tả ngoại hình)***

(1 tiết)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù**

***1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ***

- Biết viết đoạn văn tả ngoại hình của người.

***1.2. Phát triển năng lực văn học***

- Biết chọn những chi tiết tiêu biểu để tả.

- Bước đầu biết sử dụng từ ngữ gợi tả một cách sinh động, thể hiện tình cảm của bản thân đối với người được tả.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Phát triển NL tự chủ và tự học: HS tự giải quyết nhiệm vụ học tập: biết dựa vào dàn ý đã lập để viết đoạn văn tả ngoại hình của người

- Phát triển NL giao tiếp và hợp tác: HS biết trao đổi trao đổi với GV và các bạn về đoạn văn tả ngoại hình của người.

- Phát triển NL giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS có sáng tạo trong cách miêu tả ngoại hình của bạn bè.

- Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái: Yêu quý bạn bè; nhìn nhận những điểm tích cực ở bạn

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV chuẩn bị: máy tính, máy chiếu; phiếu học tập hoặc vở ôli dành cho HS.

- HS chuẩn bị: SGK *Tiếng Việt 5*, tập một.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | |
| **-** GV có thể cho HS chơi trò chơi “Phỏng vấn” các câu hỏi liên quan đến cấu tạo của bài văn tả người: *Nêu cấu tạo của bài văn tả người. ; Chúng ta đã học các phần nào của bài văn tả người? Phần thân bài sẽ tả những gì của người?...*  **- GV giới thiệu bài:** Các em đã tập viết đoạn mở bài và đoạn kết bài trong bài văn tả một người bạn. Hôm nay, các em sẽ dựa vào dàn ý đã lập để tập viết đoạn văn tả ngoại hình của một người bạn mà mình quý mến qua bài: *Luyện tập tả người (tả ngoại hình)* | - HS chơi trò chơi Phỏng vấn: 1 HS nhận các câu hỏi phỏng vấn từ GV và đến hỏi các bạn dưới lớp.  - HS lắng nghe GV giới thiệu, đọc thầm đề bài. |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN** **THỨC** | |
| **Hoạt động 1: Nhận xét về cách tả ngoại hình của người trong các đoạn văn (BT1)**  **\*Cách tiến hành:**  - GV mời 2 HS đọc nối tiếp yêu cầu của bài tập 1, phần Gợi ý. Cả lớp đọc thầm theo.  - GV hỏi: Hai đoạn văn vừa đọc tả ngoại hình của ai?  - GV nêu một số việc chính cần thực hiện:  + Đọc hai đoạn văn và các CH yêu cầu trong khung Gợi ý.  + Trả lời CH gợi ý hoặc thực hiện yêu cầu.  - GV cho HS thảo luận nhóm đôi để trả lời các câu hỏi ở BT1. Sau đó cho các nhóm hỏi đáp trước lớp (có thể cho hỏi đáp xen kẽ, mỗi người hỏi 1 câu, hoặc cho hỏi đáp hết lượt và đổi vai hỏi lại).  *+ Tác giả tả những đặc điểm nào về ngoại hình của nhân vật?*  *+ Các đặc điểm đó được miêu tả theo trình tự như thế nào?*  *+ Những đặc điểm nào gợi cho em nghĩ đến tính cách của nhân vật?*  *+ Tìm những từ ngữ, chi tiết thể hiện sự quan sát tinh tế, chính xác của tác giả.*  - Gọi đại diện một số nhóm báo cáo kết quả thảo luận  *-* GV nói thêm:  + Các đoạn văn trên đều miêu tả ngoại hình người theo trình tự từ khái quát đến cụ thể. Nhưng các em có thể sắp xếp các ý theo cách khác cho phù hợp với trình tự quan sát và ý muốn của mình.  + Khi viết, các em nên thể hiện cảm xúc của mình đối với người được tả; nên dùng từ ngữ giàu hình ảnh hoặc sử dụng biện pháp so sánh để miêu tả một cách sinh động. | - HS đọc nối tiếp yêu cầu bài tập 1, phần Gợi ý. Cả lớp đọc thầm  - HS trả lời: Đoạn văn a: Tả bạn Thắng  Đoạn văn b: Tả cô Chấm  - HS lắng nghe  - HS thảo luận nhóm đôi để trả lời các câu hỏi ở BT1.  + a) Tác giả tả các đặc điểm về chiều cao, nước da, thân hình (cổ, vai, ngực, bụng, cánh tay, cặp đùi), cặp mắt, miệng, trán.  b) Tác giả tả các đặc điểm về thân hình (vóc dáng, hai cánh tay, hai vai, cổ), mái tóc, đôi lông mày, đôi mắt.  + a) Các đặc điểm đó được miêu tả theo trình tự từ khái quát đến cụ thể.  b) Các đặc điểm đó được miêu tả theo trình tự từ khái quát đến cụ thể.  + a) Thắng mạnh mẽ, thích vận động (nước da rám đỏ khoẻ mạnh của những đứa trẻ lớn lên với nắng, nước mặn và gió biển; thân hình rắn chắc, nở nang).  Thắng hiền lành, dễ mến, dễ gần (cặp mắt to và sáng; miệng tươi, hay cười).  Thắng bướng bỉnh, gan dạ (cái trán hơi dô ra, trông có vẻ là một tay bướng bỉnh, gan dạ)  b) Cô Chấm giản dị (đôi lông mày loà xoà tự nhiên).  Cô Chấm là người thẳng thắn và mạnh mẽ (đã định nhìn ai thì dám nhìn thẳng, dù người ấy nhìn lại mình).  + a) Một số từ ngữ, chi tiết: nước da rám đỏ; thân hình rắn chắc, nở nang: cổ mập, vai rộng, ngực nở căng, bụng thon hằn rõ những múi, hai cánh tay gân guốc như hai cái bơi chèo, cặp đùi dế to, chắc nình nịch; cặp mắt to và sáng; miệng tươi, hay cười; cái trán hơi dô ra;...  b) Một số từ ngữ, chi tiết: thân hình nở nang, cân đối; hai cánh tay béo lẳn và chắc nịch, hai vai tròn và cái cổ cao; tóc đỏ quạch; đôi lông mày loà xoà tự nhiên làm cho đôi mắt sắc sảo dịu dàng đi;...  - Đại diện các nhóm trả lời.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe |
| **C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP** | |
| **Hoạt động 2: Dựa theo dàn ý đã lập ở Bài 3 (trang 38), viết đoạn văn tả ngoại hình của một người bạn mà em quý mến (BT 2)**  **\*Cách tiến hành:**  - Mời 1 HS đọc yêu cầu BT 2  *-* GV hỏi:  + Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?    + Khi tả ngoại hình của người, ta viết như thế nào?  - GV yêu cầu HS dựa vào dàn ý đã lập ở Bài 3, viết đoạn văn vào phiếu bài tập (hoặc vở ô li).  GV tạo không khí yên tĩnh để HS làm bài; theo dõi, giải đáp thắc mắc cho HS, nếu HS thắc mắc; khuyến khích HS lựa chọn từ ngữ, viết câu có hình ảnh, thể hiện cảm xúc của bản thân.  - Gọi HS đọc lại bài viết, sửa lỗi, hoàn thiện bài viết.  - GV tuyên dương, sửa chữa sai sót (nếu có) | - HS đọc yêu cầu BT 2  - HS trả lời:  + Dựa theo dàn ý đã lập ở Bài 3 (trang 38), viết đoạn văn tả ngoại hình của một người bạn mà em quý mến.  + Đoạn văn cần viết phải phù hợp với trình tự quan sát và ý muốn của mình. Khi viết, nên thể hiện cảm xúc của mình đối với người được tả; nên chọn những đặc điểm nổi bật về ngoại hình để tả bạn và nhớ dùng từ ngữ giàu hình ảnh hoặc sử dụng biện pháp so sánh để miêu tả một cách sinh động.  - HS viết đoạn văn vào phiếu bài tập (hoặc vở ô li).  - HS đọc đoạn văn mình viết.  - HS khác nhận xét. |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |
| - GV dặn HS về nhà sửa lại các lỗi mà mắc phải khi viết đoạn văn.  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS viết tốt.  - Dặn dò: Dặn HS xem trước và chuẩn bị cho tiết Trao đổi: *Gian nan thử sức*. | - HS lắng nghe  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:** .............................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**TOÁN: LÀM TRÒN SỐ THẬP PHÂN (TIẾP THEO)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù:**

- HS hiểu được cách làm tròn số thập phân, vận dụng được cách làm tròn số thập phân trong một số trường hợp đơn giản.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập. Xác định nhiệm vụ của nhóm, trách nhiệm của bản thân đưa ra ý kiến đóng góp hoàn thành nhiệm vụ của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

- Tư duy lập luận toán học.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: HS chủ động hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: HS yêu thích, say mê môn Toán, có trách nhiệm với công việc chung của nhóm.

- Phẩm chất trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

- Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.

- Nhân ái, tôn trọng, giúp đỡ bạn cùng tiến bộ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. GV:**

- TV, máy tính, bảng phụ, bài giảng PPT, phấn màu.

**2. HS:**

- Bút dạ, bảng con.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)** | |
| - GV cho HS nhắc lại quy tắc về làm tròn số thập phân đến hàng đơn vị, hàng phần mười, hàng phần trăm.  - GV cho nhận xét và giới thiệu bài. | - HS nhắc lại quy tắc.  - HS chia sẻ trước lớp.  - HS lắng nghe. |
| **B. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP (20 phút)** | |
| **Bài 3:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS làm bài rồi chia sẻ theo cặp đôi.  - GV cho HS chia sẻ bài trước lớp.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực.  **Bài 4:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS thi đua điền số vào bảng và giải thích vì sao em điền được số đó.  - GV cho HS chia sẻ bài làm.  - GV cho lấy thêm các VD khác, và làm tròn đến hàng đơn vị, hàng phần mười, hàng phần trăm.  **Bài 5:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS làm bài rồi chia sẻ theo cặp đôi.  - GV cho HS chia sẻ bài trước lớp.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực. | - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS chia sẻ theo cặp:  2,673 làm tròn đến hàng phần trăm được 2,67  13,427 làm tròn đến hàng phần trăm được 13,43  265,865 làm tròn đến hàng phần trăm được 265,87  - HS chia sẻ bài trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS hào hứng tham gia thi đua điền số:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Số | Làm tròn đến hàng | | | | Đơn vị | Phần mười | Phần trăm | | 12,653 | 13 | 12,7 | 12,65 |   - HS chia sẻ cách điền số trước lớp.  - HS lấy VD, làm tròn theo yêu cầu.  - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS làm bài rồi chia sẻ theo cặp:  Mỗi tờ giấy nặng khoảng 4g.  Vậy 10 tờ giấy nặng khoảng: 4 x 10 = 40 (g)  Đáp số: 40g  - HS chia sẻ bài trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe. |
| **C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM (10 phút)** | |
| **Bài 6:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS chia sẻ theo cặp đôi.  - GV cho HS chia sẻ bài trước lớp.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực.  - GV cho HS nhắc lại quy tắc về làm tròn số thập phân đến hàng đơn vị, hàng phần mười, hàng phần trăm.  - GV dặn HS xem và chuẩn bị trước bài sau. | - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS chia sẻ theo cặp:  Bạn Mai nặng khoảng 32kg, bạn Hùng nặng khoảng 33kg, bạn Dũng nặng khoảng 35kg.  - HS chia sẻ bài trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS nhắc lại.  - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:** .............................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**ĐẠO ĐỨC**: **NHẬN BIẾT KHÓ KHĂN**

**( Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết được những khó khăn cần phải vượt qua trong học tập và trong cuộc sống.

- Kể được một số biểu hiện của vượt qua khó khăn.

- Biết vì sao phải vượt qua khó khăn.

**2. Năng lực chung.**

- Góp phần hình thành năng lực tự chủ và tự học.

**3. Phẩm chất.**

- Góp phần hình thành phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. CHUẨN BỊ:**

**Đối với GV:**

Tranh, hình ảnh về biểu hiện của vượt qua khó khăn.

Máy chiếu đa năng, máy tính,... (nếu có).

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG ( 7 phút )** | |
| *– GV tổ chức trò chơi: Ai nhanh, ai đúng?*tìmcác câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ nói về đức tính siêng năng, vượt khó trong học tập và cuộc sống.  – GV phổ biến luật chơi: Mỗi đội lần lượt tìm và nêu ra các câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ nói về đức tính siêng năng, vượt khó trong học tập và cuộc sống. Đội nào tìm được nhiều câu đúng và nhanh nhất sẽ thắng cuộc.  – GV cho HS chơi thử.  – GV tổ chức cho HS chơi chính thức.  - Các nhóm lần lượt đưa ra đáp án của mình.  – GV nhận xét, đánh giá, tổng kết hoạt động của các đội và dẫn nhập vào bài học. | - HS lắng nghe.  - HS chơi.  + Có chí thì nên;  + Kiến tha lâu cũng đầy tổ;  + Nước chảy đá mòn;  + Năng nhặt chặt bị;  + Có công mài sắt, có ngày nên kim;  + Cần cù bù thông minh;  - HS lắng nghe. |
| **B. KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI ( 20 phút )**  **Hoạt động 1. Quan sát tranh và thực hiện yêu cầu** | |
| - GV yêu cầu HS quan sát tranh và thực hiện yêu cầu:  *a. Em hãy nêu những khó khăn của các bạn trong những bức tranh.*  *b. Hãy kể thêm những khó khăn trong học tập và cuộc sống mà em biết.*  - GV nhận xét và đưa ra câu trả lời phù hợp. | * HS trình bày   Tranh 1: Hoàn cảnh gia đình khó khăn, phải phụ giúp bố mẹ việc nhà, tăng  gia sản xuất.  Tranh 2: Quên kiến thức của các môn học.  Tranh 3: Bị tai nạn phải nằm viện, đợt kiểm tra cuối học kì sắp đến.  Tranh 4: Nhà cửa bị hoả hoạn.  + HS kể thêm được những khó khăn cần phải vượt qua trong học tập và trong cuộc sống:  + Bị bạn bè hiểu lầm, xa lánh, bị bắt nạt;  + E ngại trong giao tiếp với thầy cô, người lạ;  + Gặp khó khăn trong việc hiểu bài mới, dễ bị sao nhãng, trì hoãn công việc; + Hay phạm lỗi bất cẩn;  +  ...   * HS lắng nghe |
| **Hoạt động 2. Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi** | |
| – GV yêu cầu HS đọc câu chuyện Một học sinh nghèo vượt khó trong SGK trang 18, 19 và thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi.   1. *Bạn Thảo đã vượt qua những khó khăn trong học tập và cuộc sống như thế nào?*   *b. Sự vượt khó đó đã mang lại điều gì cho Thảo?*  *c. Vì sao chúng ta phải biết vượt qua những khó khăn trong học tập và cuộc sống?*  *- GV mời đại diện nhóm phát biểu câu trả lời.*  - GV nhận xét và đưa ra câu trả lời phù hợp. | * HS đọc và thảo luận nhóm   + HS nhận biết được những khó khăn trong học tập và cuộc sống mà bạn Thảo đã vượt qua: hoàn cảnh gia đình khó khăn; bố mẹ ốm yếu; nhà cách xa trường, di chuyển khó khăn, nhất là những hôm mưa rét, đường trơn. Bạn Thảo đã vượt qua những khó khăn trong học tập và cuộc sống bằng cách làm nhiều việc nhà phụ giúp mẹ; luôn cố gắng, tập trung, chăm chỉ học tập; chỗ nào chưa hiểu thì hỏi ngay hoặc nhờ thầy, cô giáo và các bạn giải đáp.  + HS trả lời được sự vượt khó đó đã mang lại cho Thảo: thành tích học tập tốt; được bạn bè ngưỡng mộ, bố mẹ, thầy cô yêu quý.  + HS giải thích được ý nghĩa của của việc vượt qua khó khăn: Khó khăn luôn xuất hiện trong học tập và cuộc sống của mỗi người. Vì thế, việc vượt qua khó khăn giúp con người rèn luyện được những phẩm chất và kĩ năng quý báu như siêng năng, kiên trì, giao tiếp, hợp tác, kiên định mục tiêu,... Từ đó gặt hái được thành công trong cuộc sống và học tập.   * HS nêu * HS lắng nghe |
| **C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG ( 5 phút )** | |
| - GV sử dụng kĩ thuật phòng tranh yêu cầu HS viết một khó khăn của bản thân vào phần nhuỵ của bông hoa và các biện pháp vượt qua khó khăn vào cánh hoa.  - GV mời 3 – 5 HS chia sẻ.  - GV nhận xét, đánh giá.  - GV dặn HS xem và chuẩn bị trước bài sau. | - HS thực hiện nhiệm vụ.   * HS chia sẻ   - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:** .............................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

***Chiều thứ ba***

**NÓI VÀ NGHE**

**TRAO ĐỔI:GIAN NAN THỬ SỨC**

(1 tiết)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phát triển năng lực ngôn ngữ**

- HS kể được về một tình huống khó khăn mà mình đã trải qua, chia sẻ được suy nghĩ của mình về vai trò của ý chí, nghị lực.

- Người nói biết điều chỉnh bài nói phù hợp với thái độ, phản hồi của người nghe.

- Người nghe biết cách nghe, ghi chép vắn tắt nhận xét về bài nói và về ý kiến của bạn để đặt CH hoặc phát biểu ý kiến.

**2. Góp phần phát triển năng lực chung và phẩm chất**

- Phát triển NL tự chủ và tự học: Chủ động tìm kiếm và nêu một tình huống khó khăn để phục vụ cho việc trao đổi trong bài.

- Phát triển NL giao tiếp và hợp tác: Biết nghe, ghi, trao đổi cùng các bạn, chủ động, tự nhiên, tự tin; có thái độ đúng khi nghe và nói: lắng nghe, tôn trọng người nói, tôn trọng người nghe

- Phát triển NL giải quyết vấn đề: Đưa ra được cách để vượt qua khó khăn trong tình huống đó.

- Phát triển PC trách nhiệm, chăm chỉ: Có ý thức và hành động phù hợp để thực hiện các việc làm dù gặp khó khăn; Bồi dưỡng ý thức quyết tâm, tinh thần vượt qua khó khăn trong cuộc sống.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV chuẩn bị: máy tính, máy chiếu, bài trình chiếu

- HS chuẩn bị: SGK *Tiếng Việt 5*, tập một; vở viết.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | |
| **-** GV cho HS xem một đoạn phim về 1 tình huống gặp khó khăn của 1 người và hỏi: *Đoạn phim nói về ai? Điều gì đã xảy ra với bạn nhỏ trong phim? Bạn đã làm gì để vượt qua khó khăn đó?*  (có thể lấy đoạn phim tình huống 3 của bài Đạo đức 4: Nhận biết sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn  **- GV giới thiệu bài:** | - HS xem đoạn phim và trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe GV giới thiệu, đọc thầm đề bài. |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN** **THỨC** | |
| **Hoạt động 1: Kể một số tình huống khó khăn mà bản thân mình đã gặp (BT 1)**  **\*Cách tiến hành:**  - GV gọi 2 HS nối tiếp đọc 2 yêu cầu của bài tập 1, 2 và gợi ý. Cả lớp đọc thầm theo.  - GV nêu lại yêu cầu Bài tập 1 và hỏi: Em hãy nêu một tình huống khó khăn mà em đã gặp (các tình huống khó khăn đó có thể xảy ra trong học tập hoặc trong cuộc sống thường ngày)    **- GV nhận xét về cách diễn đạt khi nói, tuyên dương hoặc sửa chữa (nếu có)**  **- GV nêu thêm một số tình huống khó khăn mà có thể HS đã từng gặp.** | - HS nối tiếp đọc yêu cầu bài tập 1, 2, gợi ý. Cả lớp đọc thầm  - HS phát biểu ý kiến: *Em gặp một bài toán khó nhưng chưa biết cách giải / lần đầu tiên phải phát biểu (hoặc hát / đọc thơ,…) trước nhiều người / lần đầu tiên phải đi chợ mua rau giúp mẹ / có lần phải ở nhà một mình vào buổi tối / …*  - HS khác nhận xét  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe |
| **C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP** | |
| **Hoạt động 2: Trao đổi về một tình huống khó khăn mà mình đã trải qua, chia sẻ được suy nghĩ của mình về vai trò của ý chí, nghị lực (BT 2)**  **\*Cách tiến hành:**  - Mời 1 HS đọc yêu cầu BT 2 và các gợi ý.  - GV hỏi theo các gợi ý với 1-2HS để làm mẫu  *-* GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 4 theo các gợi ý của SGK, trao đổi với bạn về cách giải quyết vấn đề của mình và của bạn.  *a) Em đã gặp phải khó khăn gì?*  *b) Khi gặp khó khăn, em đã nghĩ gì và làm gì?*  *c) Việc làm đó của em dẫn đến kết quả như thế nào?*  *d) Nếu gặp lại tình huống tương tự, em sẽ giải quyết như thế nào? Vì sao?*  - GV tổ chức cho HS thảo luận trước lớp    - GV có thể nêu ý kiến cá nhân hoặc tổng kết ý kiến của cả lớp để HS hiểu đúng. | - HS đọc yêu cầu BT 2, gợi ý  - 1-2 HS thực hiện trao đổi với GV  - HS thảo luận và luân phiên trình bày trong nhóm.  ***VD:*** *Có lần, tớ gặp một bài toán khó, tìm mãi không ra đáp án. Tớ nản lắm, nhờ bố tớ giải giúp. Nhưng bố tớ chỉ giảng cho tớ chứ không giải bài tập hộ. Bố bảo nếu không tự làm bài thì mình sẽ ngày càng kém. Thế rồi, nhờ có bố hướng dẫn, tớ cũng tự làm được bài toán ấy. Bố tớ bảo ý chí và lòng quyết tâm có thể biến một việc khó thành một việc dễ. Sau này, nếu gặp bài toán khó, nhất định tớ sẽ không nhờ bố giải hộ nữa. Tớ nghĩ là mình có thể làm được các bài toán khác, nếu tớ kiên trì và được giúp đỡ đúng cách.*  - Một số HS trình bày ý kiến trước lớp; trả lời câu hỏi của các bạn hoặc đặt CH; mời cả lớp thảo luận về ý kiến của bạn.  - Các HS khác lắng nghe, ghi nhận xét vắn tắt về tình huống và chia sẻ của bạn. Sau mỗi ý kiến hoặc một vài ý kiến, GV mời các HS khác đặt câu hỏi, góp ý với bạn và nêu ý kiến của mình về câu chuyện; kết hợp kiểm tra nội dung ghi chép của HS trong khi nghe.  - HS lắng nghe |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM** | |
| - GV dặn HS về nhà tìm thêm về tình huống khó khăn mà mình từng gặp; rồi mạnh dạn trao đổi với người thân, bạn bè, thầy cô về vai trò của ý chí, nghị lực để giúp mình vượt qua khó khăn đó.  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS viết tốt.  - Dặn dò: Dặn HS xem trước và chuẩn bị cho tiết Bài đọc: *“Vua tàu thuỷ” Bạch Thái Bưởi* | - HS lắng nghe, thực hiện ở nhà  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:** .............................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**KHOA HỌC: NĂNG LƯỢNG VÀ NĂNG LƯỢNG CHẤT ĐỐT**

**( Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Trình bày được một số nguồn năng lượng thông dụng và việc sử dụng chúng trong cuộc sống hàng ngày.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự học: HS quan sát hình ảnh, đọc thông tin trong SGK, tìm kiếm thông tin qua sách báo, internet.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: HS có ý thức bảo vệ môi trường .

- Phẩm chất chăm chỉ: HS ham tìm hiểu, học hỏi.

- Phẩm chất trung thực: Trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

**II. CHUẨN BỊ:**

Đối với GV:

- Tranh ảnh, clip sưu tầm thêm về các nguồn năng lượng, về sử dụng năng lượng chất đốt.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Hoạt động khởi động ( 5 phút )** | |
| - GV cho HS hát và vận động theo nhạc bài hát Cho tôi đi làm mưa với.  - GV yêu cầu HS nêu ý kiến trả lời câu hỏi: Một căn phòng đang tối, nêu cách đề làm căn phòng sáng lên.  - GV cho nhận xét và giới thiệu bài. | - HS hát và vận động theo nhạc.  - HS chia sẻ trước lớp: dùng đèn/nến thắp sáng, bật đèn, ...  - HS lắng nghe. |
| **B. Khám phá kiến thức mới ( 17 phút )**   1. **Năng lượng**   ***Hoạt động 1: Tìm hiểu về nguồn năng lượng cho hoạt động của con người, máy móc, phương tiện*** | |
| Bước 1. Làm việc cá nhân   * GV yêu cầu HS quan sát các hình từ 1 đến 6, trang 24 SGK, xác định ở mỗi hình nguồn năng lượng cho phương tiện, máy móc, hoạt động của con người.   *Bước 2. Làm việc cả lớp*  – GV yêu cầu một số HS trình bày kết quả, các HS khác nhận xét.  - GV nhận xét, kết luận  Thức ăn cung cấp năng lượng làm tay ta hoạt động đưa thức ăn vào miệng/ đưa quần áo lên cao.  Mặt tr*ờ*i tỏa nhiệt tạo ra năng lượng làm quần áo khô.  Điện do các nhà máy cung cấp năng lượng làm cho quạt quay.  Nước chảy tạo ra năng lượng làm tua bin quay.  Gió thoi tạo ra năng lượng đẩy thuyền đi  Xăng bị đốt cháy sinh ra năng lượng làm xe di chuyển được.  - GV yêu cầu HS làm câu 1, Bài 5 VBT.  – GV yêu cầu HS đọc nội dung mục Chìa khoá, trang 25 SGK. | - HS quan sát tranh và làm việc cá nhân   * HS nối tiếp nêu:   + Hình 1:Con người ăn cơm. Năng lượng từ thức ăn.  + Hình 2: Bạn nho phơi quần áo nhờ năng lượng từ thức ăn. Quần áo kho nhờ năng lượng mặt trời.  + Hình 3: Quạt quay nhờ năng lượng điện.  + Hình 4: Bánh xe nước quay được nhờ năng lượng nước chảy.  + Hình 5: Thuyền di chuyển nhờ năng lượng gió.  + Hình 6: Xe máy hoạt động được nhờ năng lượng xăng (chất đốt).   * HS lắng nghe * HS làm bài   - HS đọc thầm, 2 HS đọc trước lớp |
| **C. Hoạt động thực hành, luyện tập ( 7 phút )** | |
| - GV yêu cầu HS nêu một số nguồn năng lượng thông dụng ở địa phương em và việc sử dụng chúng trong cuộc sống hằng ngày, sau đó cho HS chia sẻ trước lớp về kết quả.  − GV yêu cầu HS làm các câu 2, 3 Bài 5 VBT. | - HS làm việc cặp đôi và chia sẻ trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  Pin, than, củi, ga, xăng dầu, rơm, rạ, .....  - HS làm bài |
| **D. Hoạt động vận dụng ( 5 phút )** | |
| - GV cho HS chia sẻ trước lớp:  **+ Kể tên các** nguồn cung cấp năng lượng cho hoạt động của con người, máy móc, ....  - GV cho nhận xét, tuyên dương HS tích cực tham gia các hoạt động học tập.  - GV dặn HS xem và chuẩn bị trước bài sau. | - HS chia sẻ trước lớp:  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:** .............................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**THỂ DỤC: BÀI TẬP PHỐI HỢP BIẾN ĐỔI ĐỘI HÌNH DI CHUYỂN HƯỚNG VÒNG TRÒN (Tiết 3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Về phẩm chất:**

- Ôn bài tập phối hợp biến đổi đội hình di chuyển hướng vòng. Trò chơi “Rắn tìm mồi”. Hs biết khẩu lệnh và cách thức thực hiện động tác để thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Đoàn kết, nghiêm túc, tích cực trong tập luyện và hoạt động tập thể.

- Tích cực tham gia các trò chơi vận động, có trách nhiệm trong khi chơi trò chơi và hình thành thói quen tập luyện TDTT.

1. **Về năng lực chung:**
   1. **Năng lực chung:**

- Tự chủ và tự học: Tự ôn lại khẩu lệnh, cách thực hiện bài tập phối hợp biến đổi đội hình di chuyển hướng vòng ở nhà

- Giao tiếp và hợp tác: Thông qua các hoạt động nhóm để thực hiện các động tác và trò chơi.

* 1. **Năng lực đặc thù:**

- NL chăm sóc SK:  Biết thực hiện vệ sinh sân tập, thực hiện vệ sinh cá nhân để đảm bảo an toàn trong tập luyện. Biết điều chỉnh trang phục để thoải mái và tự tin khi vận động, biết điều chỉnh chế độ dinh dưỡng đảm bảo cho cơ thể.

- NL giải quyết vấn dề và sáng tạo: Thông qua việc học tập tích cực, chủ động tiếp nhận kiến thức và tập luyện.

- Tự giác, tích cực trong tập luyện; Yêu nước, chăm chỉ, trách nhiệm và trung thực.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên chuẩn bị:  Tranh ảnh động tác liên quan đến bài học; trang phục thể thao; còi phục vụ trò chơi.

-Học sinh chuẩn bị: Giày thể thao, trang phục thể thao

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **LV Đ** | **Phương pháp, tổ chức và yêu cầu** | |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **I. Hoạt động mở đầu**  **1. Nhận lớp**  **2. Khởi động**  - Chạy nhẹ nhàng 1 vòng quanh sân tập.  - Xoay các khớp cổ tay, cổ chân, vai, hông, gối,...  **3. Trò chơi.**  - Trò chơi *“Bắt đúng người”* | 5’– 7’  3’- 5’  1-2l  2lx8n  1l | - Nghe cán bộ lớp báo cáo.  - Hỏi về sức khỏe của Hs.  - Cô trò chúc nhau.  - Phổ biến nội dung, nhiệm vụ và yêu cầu giờ học.  - GV di chuyển và quan sát, chỉ dẫn cho HS thực hiện.  - Gv tổ chức HS chơi trò chơi. | - Cán sư tập trung lớp, điểm số, báo cáo sĩ số, tình hình lớp học cho Gv.  GV  \* \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  - Cán sự điều khiển lớp khởi động.  - Hs chơi đúng luật, nhiệt tình sôi nổi và đảm bảo an toàn. |
| **II. Hoạt động luyện tập:**  \* Ôn bài tập phối hợp biến đổi đội hình di chuyển hướng vòng:  *- Tập luyện cá nhân*  *- Tập luyện theo cặp*  *- Tập luyện theo tổ nhóm*  *- Thi đua giữa các tổ*  **2.Trò chơi *“Rắn tìm mồi”*** | 20-22’  3 lần  3 lần  3 lần  1lần  1’–3’ | - GV tổ chức cho HS luyện tập  - GV quan sát, nhận xét, sửa sai cho HS.  - GV tổ chức cho HS luyện tập cặp đôi  - GV sửa sai  - Yc tổ trưởng cho các bạn luyện tập theo khu vực quy định.  - GV sửa sai  - GV tổ chức cho HS thi đua giữa các tổ.  - GV nêu tên trò chơi, phổ biến luật chơi, cách chơi.  - Cùng hs nhắc lại luật chơi và cách chơi.  - Cho Hs chơi thử.  - Tổ chức cho Hs chơi. | - HS tập theo hướng dẫn của giáo viên        ∇  - Hs tiến hành tập luyện cặp đôi theo sự hướng dẫn của Gv:    ∇    - Hs tiến hành tập luyện theo tổ nhóm dưới sự hướng dẫn của Gv và cán sự lớp:  • • • • • • • • • •  • •  ∇  • •  • •  • •  • •  -Tổ trưởng điều khiển lớp tập luyện  - Từng tổ lên thi đua - trình diễn  🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹  - Hs nhắc lại luật chơi, cách chơi.  - Hs tiến hành chơi trò chơi dưới sự chỉ huy của Gv.  - Chơi trò đúng luật, nhiệt tình, sôi nổi và an toàn. |
| **IV. Vận dụng**  - Thả lỏng cơ toàn thân.  - Củng cố hệ thống bài học  - Nhận xét và hướng dẫn tập luyện ở nhà. |  | - GV hướng dẫn.  - Gv cùng hs hệ thống lại bài (đưa câu hỏi).  - Nhận xét kết quả, ý thức, thái độ học của Hs.  - HD sử dụng SGK để Hs ôn lại bài và chuẩn bị bài sau. | - HS thực hiện thả lỏng  - Hs cùng Gv hệ thống lại bài (HS quan sát SGK (tranh) trả lời)  GV  \* \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  - HS tập chung thực hiện theo hướng dẫn của GV và nhận hướng dẫn tập luyện ở nhà. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:** .............................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

***Thứ tư ngày 23 tháng 10 năm 2024***

**BÀI ĐỌC 2**

**“VUA TÀU THUỶ” BẠCH THÁI BƯỞI**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

##### **1. Phát triển các năng lực đặc thù**

##### ***1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ***

- Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà HS địa phương dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng. Thể hiện được tình cảm, cảm xúc phù hợp với nội dung bài đọc. Tốc độ đọc 90 – 95 tiếng / phút. Đọc thầm nhanh hơn lớp 4.

###### - Hiểu nghĩa của các từ ngữ khó trong bài. Hiểu bối cảnh của câu chuyện, nội dung và ý nghĩa của bài đọc: *ca ngợi Bạch Thái Bưởi, từ một cậu bé mồ côi cha, nhờ giàu nghị lực và ý chí vươn lên đã trở thành một nhà kinh doanh tên tuổi lừng lẫy.*

###### ***1.2. Phát triển năng lực văn học***

Phát hiện được những từ ngữ và chi tiết hay; biết bày tỏ được sự yêu thích đối với những từ ngữ, chi tiết đó.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Phát triển *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Chủ động trao đổi, thảo luận với bạn để tìm hiểu nghĩa các từ khó, từ ít dùng; biết cùng các bạn thảo luận nhóm; trả lời các câu hỏi đọc hiểu trong bài.

- Phát triển *Năng lực tự chủ và tự học*: Chủ động tìm hiểu bài đọc để trả lời đúng các CH đọc hiểu

- Phát triển phẩm chất *chăm chỉ:* Thể hiện ở tinh thần quyết tâm khắc phục khó khăn, cố gắng học tập và lao động.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV chuẩn bị: máy tính, máy chiếu, tranh minh hoạ nội dung bài đọc.

- HS chuẩn bị: SGK *Tiếng Việt 5* (tập một); vở ô li hoặc vở bài tập Tiếng Việt 5

**III.** **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | | |
| **-** GV chiếu hình minh họa lên tivi, yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời: *Bức tranh vẽ gì?*  **- GV giới thiệu bài:** | - HS quan sát, trả lời: Tranh vẽ một chiếc tàu thuỷ và ông Bạch Thái Bưởi.  - HS lắng nghe GV giới thiệu, đọc thầm đề bài. | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN** **THỨC** | | |
| **Hoạt động 1: Đọc thành tiếng**  **\*Cách tiến hành:**  - GV đọc mẫu, giọng đọc phù hợp với diễn biến câu chuyện. GV kết hợp giải nghĩa từ ngữ khó và những từ ngữ khác, nếu thấy cần thiết đối với HS địa phương, ví dụ: hiệu cầm đồ; trắng tay; độc chiếm; diễn thuyết; đồng, hào, xu; thịnh vượng…  - GV tổ chức cho HS chia đoạn và đọc nối tiếp các đoạn theo nhóm.  Bài đọc gồm 3 đoạn: + Đoạn 1: từ đầu đến *... không nản chí. ;* + Đoạn 2: từ *Bạch Thái Bưởi mở công ti...* đến *... Trưng Nhị,... ;* + Đoạn 3: phần còn lại.  - GV tổ chức và hướng dẫn cho HS luyện đọc theo nhóm 4 (2 HS nối tiếp đọc Đoạn 2)  + GV chia nhóm, yêu cầu từng nhóm HS đọc bài, mỗi nhóm 4 em đọc tiếp nối đến hết bài.  + GV sửa lỗi phát âm, uốn nắn tư thế đọc cho HS. Nhắc HS ngắt nghỉ hơi ở các dấu chấm, dấu phẩy; nhấn giọng đúng; giọng đọc phù hợp với nội dung câu văn, đoạn văn và diễn biến câu chuyện.  - GV mời đại diện nhóm đọc (ít nhất là 2 nhóm), sau đó cho các HS khác nhận xét.  - GV nhấn mạnh vào những từ ngữ khó đọc và những từ ngữ dễ mắc lỗi sai khi đọc: quẩy, hãng buôn, xưởng sửa chữa tàu, diễn thuyết, …  - GV gọi 1 HS đọc toàn bài  **Hoạt động 2: Đọc hiểu**  **\*Cách tiến hành:**  - GV mời 4 HS tiếp nối nhau đọc to, rõ ràng 4 câu hỏi  - GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm 2 người theo các câu hỏi tìm hiểu bài. HS trả lời câu hỏi bằng trò chơi Truyền điện.  - GV yêu cầu HS thực hiện trò chơi *Truyền điện*:  + GV sẽ là xung phong truyền điện đầu tiên.  + GV hỏi câu hỏi 1, đại diện 1 HS xung phong trả lời câu hỏi 1.  + Sau khi trả lời đúng câu hỏi 1, HS đó được phép hỏi câu hỏi 2 và gọi HS khác trả lời.  HS trả lời đúng, cả lớp vỗ tay; HS trả lời chưa đúng thì GV sẽ gọi HS khác trả lời  Cứ tiếp tục như vậy cho đến khi trả lời đúng hết 4 câu hỏi:  *1.Những chi tiết về tuổi thơ và tuổi trẻ của Bạch Thái Bưởi cho thấy ông là người như thế nào?*  *2. Lúc mới thành lập, công ti vận tải đường biển của Bạch Thái Bưởi gặp khó khăn gì? Ông đã làm cách nào để vượt qua khó khăn đó?*  *3. Lời kêu gọi “Người ta thì đi tàu ta” và tên các con tàu của Bạch Thái Bưởi nói lên điều gì về ông?*  *4. Theo em, nhờ đâu mà Bạch Thái Bưởi thành công và trở thành “một bậc anh hùng kinh tế”?*  - GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi và động viên HS các nhóm. GV chốt câu trả lời của 4 câu hỏi.  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Theo em nội dung bài đọc nói lên điều gì?  **- Gọi HS nhắc lại nội dung Bài đọc** | | - HS lắng nghe GV đọc mẫu, đọc thầm theo.  - HS cùng GV giải nghĩa từ khó:  - HS cùng GV chia đoạn.  - HS luyện đọc đoạn theo nhóm 4 (2 HS nối tiếp đọc Đoạn 2).  - Một số nhóm đọc to trước lớp theo yêu cầu của GV. Các nhóm còn lại nhận xét bạn đọc.  - Học sinh phát hiện những từ khó đọc; Thực hành luyện đọc từ khó.  - 1 HS đọc toàn bài. Cả lớp đọc thầm.  - HS đọc nối tiếp 4 câu hỏi theo yêu cầu của GV.  - HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm 2 người theo các câu hỏi tìm hiểu bài.  - HS thực hiện trò chơi *Truyền điện*  + Bạch Thái Bưởi rất thông minh, chịu khó (theo mẹ đi gánh hàng rong, làm đủ nghề), có ý chí, nghị lực (có lúc trắng tay, ông vẫn không nản chí).  + Công ti vận tải đường thuỷ của Bạch Thái Bưởi được thành lập vào lúc những con tàu của người Hoa, người Pháp đã độc chiếm các đường sông miền Bắc (việc tìm khách hàng của công ti hết sức khó khăn vì khách hàng đã quen dùng tàu của người Hoa, người Pháp).  + Để vượt qua khó khăn đó, Bạch Thái Bưởi cho người đến các bến tàu diễn thuyết; trên mỗi chiếc tàu, ông dán dòng chữ “Người ta thì đi tàu ta” và treo một cái ống để khách nào đồng tình với ông thì vui lòng bỏ ống tiếp sức cho chủ tàu. Sau này, ông mua lại tàu của chủ tàu người Hoa, người Pháp, thuê kĩ sư giỏi trông nom.  + HS nói theo suy nghĩ cá nhân. *VD: Bạch Thái Bưởi rất hiểu tâm lí yêu nước của người Việt Nam. / Bạch Thái Bưởi rất yêu nước. / Bạch Thái Bưởi rất thông minh, có cách phát triển kinh tế đúng đắn. / ...*  + HS nói theo suy nghĩ cá nhân. *VD: Nhờ ý chí, nghị lực và lòng quyết tâm. / Nhờ sự thông minh, dũng cảm. / Nhờ định hướng đúng đắn. / Nhờ sự ủng hộ của những người yêu nước muốn phát triển kinh tế của Việt Nam. / ...*  - HS lắng nghe - 2-3 HS trả lời: ***Ca ngợi Bạch Thái Bưởi, từ một cậu bé mồ côi cha, nhờ giàu nghị lực và ý chí vươn lên đã trở thành một nhà kinh doanh tên tuổi lừng lẫy.*** **-** HS nhắc lại nội dung |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | | |
| **Hoạt động 3: Đọc diễn cảm bài đọc**  **\*Cách tiến hành:**  - Mời 3 HS đọc diễn cảm nối tiếp từng đoạn trong bài đọc.  - GV hướng dẫn HS đọc diễn đoạn 2, 3 với giọng đọc phù hợp với câu văn, đoạn văn; ngắt nghỉ đúng chỗ; biết nhấn mạnh vào những từ ngữ quan trọng.      - Tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm phần đoạn 2, 3 đã luyện.  - GV nhận xét HS đọc. | | *- 3* HS đọc diễn cảm nối tiếp từng đoạn trong bài đọc.  + *Bạch Thái Bưởi mở công ti vận tải đường thuỷ / vào lúc những con tàu của người Hoa, / người Pháp / đã độc chiếm các đường sông miền Bắc*. *// Ông cho người đến các bến tàu diễn thuyết*. *// Trên mỗi chiếc tàu*, / *ông dán dòng chữ “****Người ta thì đi tàu ta****” / và treo một cái ống / để khách nào đồng tình với ông thì vui lòng bỏ tiền vào ống tiếp sức cho chủ tàu. // Khi bổ ống, / tiền đồng* ***rất nhiều****, / tiền hào, / tiền xu thì* ***vô kể****. // Khách đi tàu của ông* ***ngày một đông****. // Nhiều* ***chủ tàu người Hoa****, /* ***người Pháp*** *phải* ***bán lại tàu*** *cho ông.*  + ***Chỉ trong mười năm****, / Bạch Thái Bưởi đã trở thành “****một bậc anh hùng kinh tế****” / như đánh giá của người cùng thời.*  - HS thi đọc  - HS nhận xét |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM** | | |
| - GV nêu câu hỏi: Em biết được điều gì sau khi học bài đọc “Vua tàu thuỷ” Bạch Thái Bưởi? Em học tập được điều gì ông Bạch Thái Bưởi ?  - GV nhận xét, khích lệ những suy nghĩ tích cực của HS.  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS tốt.  - Dặn dò: GV dặn HS về nhà đọc và xem trước bài Luyện từ và câu: *Từ đa nghĩa* | | - Một HS đóng vai phóng viên hỏi, các HS được hỏi trả lời.  - HS nhận xét  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:** .............................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**TOÁN: Tiết 33. ÔN TẬP VỀ CÁC ĐƠN VỊ ĐO DIỆN TÍCH ĐÃ HỌC**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

- HS thực hiện được việc chuyển đổi, tính toán với các số đo diện tích (*mm2, cm2, dm2, m2*) trong một số trường hợp đơn giản; thực hiện được việc ước lượng các kết quả đo diện tích trong một số trường hợp đơn giản.

**2. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập. Xác định nhiệm vụ của nhóm, trách nhiệm của bản thân đưa ra ý kiến đóng góp hoàn thành nhiệm vụ của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

- Tư duy lập luận toán học.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất chăm chỉ: HS chủ động hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: HS yêu thích, say mê môn Toán, có trách nhiệm với công việc chung của nhóm.

- Phẩm chất trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

- Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.

- Nhân ái, tôn trọng, giúp đỡ bạn cùng tiến bộ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. GV:**

- TV, máy tính, bảng phụ, bài giảng PPT, phấn màu.

**2. HS:**

- Bút dạ, bảng con.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)** | |
| - GV cho HS chơi trò chơi “Gió thổi”: Khi quản trò hô “Gió thổi, gió thổi”, thổi đến đơn vị đo DT nào thì HS nêu đặc điểm của đơn vị đo DT đó.  - GV gọi HS chia sẻ trước lớp.  - GV cho nhận xét và giới thiệu bài. | - HS hào hứng tham gia trò chơi, nêu đặc điểm của một số đơn vị đo DT: mm2, cm2, dm2, m2.  - HS chia sẻ trước lớp.  - HS lắng nghe. |
| **B. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP (25 phút)** | |
| **Bài 1:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS quan sát các hình ảnh rồi chia sẻ theo cặp đôi.  - GV gọi HS chia sẻ trước lớp.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực.  - GV cho HS nhắc lại mối quan hệ giữa 2 đơn vị đo DT liền kề.  **Bài 2:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS làm bài vào vở rồi chia sẻ theo cặp đôi.  - GV cho HS chia sẻ bài làm.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực.  **Bài 3:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS suy nghĩ, thi đua trả lời.  - GV cho HS chia sẻ bài làm.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực.  **Bài 4:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS làm bài vào vở rồi chia sẻ theo cặp đôi.  - GV cho HS chia sẻ bài làm.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực. | - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS chia sẻ theo cặp:  a, Chiếc bảng có cạnh 1m nên DT chiếc bảng là 1m2. Tờ giấy có cạnh 1dm nên DT của tờ giấy là 1dm2. …  b,   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | m2 | dm2 | cm2 | mm2 | | 1m2 = 100dm2 | 1dm2  = 100cm2  = m2 | 1cm2  = 100mm2  = dm2 | 1mm2  = cm2 |   - HS chia sẻ trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS nhắc lại.  - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS làm vở rồi chia sẻ theo cặp đôi:  8m2 15dm2 = 815dm2 35cm2 12mm2 = 3512mm2  10m2 7dm2 = 1007dm2 8cm2 6mm2 = 806mm2  5dm2 23cm2 = 523cm2 56cm2 33mm2 = 5633mm2  - HS chia sẻ bài trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS suy nghĩ, thi đua trả lời:  DT tờ tiền VN khoảng 100cm2 ; DT mặt bàn khoảng 40dm2 ; DT bể bơi khoảng 40m2 ; DT bề mặt một nút ấn trên điều khiển tivi khoảng 32mm2  - HS chia sẻ bài trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS làm bài vào vở rồi chia sẻ theo cặp đôi:  a, Tổng DT tầng 2 của nhà bạn Duy là:  6 x 8 = 48 (m2)  b, Diện tích phòng ngủ 2 là: 3 x 3 = 9 (m2)  b, Diện tích phòng ngủ 3 là:  6 x 4 - 2 x 3 = 18 (m2)  Đáp số: a, 48m2  b, 9m2 c, 18m2  - HS chia sẻ bài trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe. |
| **C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM (5 phút)** | |
| **Bài 5:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS làm nháp rồi chia sẻ theo cặp đôi.  - GV cho HS chia sẻ bài làm.  - GV cho HS nhắc lại các đơn vị đo DT đã học và mối quan hệ giữa các đơn vị đo DT.  - GV dặn HS xem và chuẩn bị trước bài sau. | - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS làm bài rồi chia sẻ theo cặp đôi:  a, Bức tranh gồm số mảnh gốm là:  100 x 50 = 5000 (mảnh gốm)  b, DT của bức tranh là: 2 x 2 x 5000 = 20 000 (cm2)  Đổi: 20 000cm2 = 20m2  - HS chia sẻ kết quả, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS nhắc lại.  - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:** .............................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ: NƯỚC VĂN LANG, ÂU LẠC (tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

**- Trình bày được sự ra đời của nước Văn Lang, Âu Lạc thông qua tìm hiểu một số truyền thuyết và bằng chứng khảo cổ học.**

**2. Năng lực chung**

**- Tự chủ và tự học: sưu tầm tư liệu và giới thiệu về nước Văn Lang, Âu Lạc.**

**- Giao tiếp và hợp tác: tham gia hoạt động nhóm, trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập, giới thiệu về nước Văn Lang, Âu Lạc.**

**- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: thực hiện nhiệm vụ học tập và trình bày kết quả thể hiện sự sáng tạo.**

**3. Phẩm chất**

**- Yêu nước: Tự hào và biết ơn tổ tiên đã có công dụng nước và giữ nước thời Văn Lang, Âu Lạc.**

**- Trách nhiệm trân trọng, giữ gìn những giá trị văn hoá, truyền thống của tổ tiên.**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: TV, máy tính, bảng phụ, bài giảng PPT, phiếu học tập

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Nước Văn Lang** | **Nước Âu Lạc** |
| Thời gian ra đời |  |  |
| Đứng đầu nhà nước |  |  |
| Kinh đô |  |  |

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | |
| - GV chiếu màn hình:  “Dù ai đi ngược về xuôi Nhớ ngày giỗ Tổ mùng 10 tháng 3 Dù ai buôn bán gần xa ​Nhớ ngày giỗ Tổ tháng 3 mùng 10”  + Những câu ca dao trên nhắc đến sự kiện nào được diễn ra hàng năm ở nước ta?  + Theo em, những câu ca dao trên có ý nghĩa dăn dạy chúng ta điều gì?  **- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới.** | **- HS trả lời, chia sẻ những điều em về một di tích lịch sử đền Hùng.**  - HS lắng nghe. |
| **B. HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ KIẾN THỨC** | |
| **1. Sự ra đời của nước Văn Lang**  **- GV chiếu hình ảnh, yêu cầu HS** quan sát và gọi tên câu chuyện truyền thuyết trong bức tranh; nói những điều em biết qua câu chuyện.    **- GV giao nhiệm vụ HS làm việc nhóm 4: Đọc thông tin về sự ra đời của nước Văn Lang trong SGK trang 25 và trình bày sự ra đời của nước Văn Lang.**  **- GV khuyến khích HS sáng tạo trong cách thức trình bày như tóm tắt thông tin bằng kênh chữ, kết hợp cắt dán, vẽ hình ảnh minh hoạ, trình bày theo sơ đồ tư duy,...**  **- GV nhận xét, biểu dương và chuẩn kiến thức về nước Văn Lang.**  **+ Ra đời cách ngày nay khoảng 2700 năm, kinh đô đặt tại Phong Châu (Phú Thọ ngày nay).**  **+ Đứng đầu nhà nước Văn Lang là vua Hùng.**  **+ Địa bàn ra đời và tồn tại của nước Văn Lang ở lưu vực sông Hồng, sông Mã, sông Cả.**  - CHBS: Theo em, việc ra đời nhà nước Văn Lang có ý nghĩa như thế nào?  - GV kết luận: Nhà nước Văn Lang là nhà nước đầu tiên, kết thúc thời kì nguyên thủy, mở ra thời kì dựng nước đầu tiên trong lịch sử dân tộc.  - GV giới thiệu cho HS về bộ máy nhà nước Văn Lang. | - HS nêu tên truyện: **truyền thuyết *Con Rồng cháu Tiên.***  *+ Con trai thần Long Nữ, tên Lạc Long Quân kết duyên cùng nàng Âu Cơ thuộc dòng họ Thần Nông xinh đẹp.*  *+ Âu Cơ sinh ra bọc trăm trứng, từ trăm trứng nở ra một trăm người con khôi ngô tuấn tú.*  *+ Vì Lạc Long Quân không quen sống trên cạn lâu ngày nên hai vợ chồng mỗi người dẫn năm mươi người con lên rừng và xuống biển.*  - 1 HS đọc to nội dung trước lớp, cả lớp đọc thầm SGK.  - Các nhóm làm nhiệm vụ.  **- Đại diện các nhóm HS trình bày kết quả làm việc nhóm.**  **- HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.**  - HS lắng nghe.  - HS nêu theo ý hiểu.  - HS lắng nghe, quan sát trên màn hình. |
| **2. Sự ra đời của nước Âu Lạc**  **- GV hướng dẫn HS tiếp tục đọc thông tin về sự ra đời của nước Âu Lạc trong SGK trang 26 và quan sát hình ảnh để trình bày sự ra đời của nước Âu Lạc theo nhóm 4.**  **- GV quan sát, theo dõi.**  **- GV nhận xét, chiếu hình ảnh, chốt kiến thức về nước Âu Lạc:**  **+ Ra đời vào khoảng năm 208 TCN, sau khi kháng chiến chống quân Tần thắng lợi, Thục Phán lên ngôi vua, lập ra nước Âu Lạc.**  **+ Kinh đô nước Âu Lạc đặt tại Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội ngày nay).**  - GV giới thiệu về bộ máy nhà nước Âu Lạc |  |
|  | - 1 HS đọc to nội dung trước lớp, cả lớp đọc thầm SGK.  - Các nhóm 4 làm nhiệm vụ.  **- Đại diện các nhóm HS trình bày kết quả làm việc nhóm.**  **- Nhóm khác nhận xét, bổ sung.**  - HS lắng nghe.  - 1HS đọc phần Em có biết? - SGK trang 26.  - Cả lớp lắng nghe.  - HS lắng nghe. 1 HS nhắc lại trên màn hình |
| **C. THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP** | |
| - GV giao nhiệm vụ: Hoàn thành bảng thống kê các nội dung dưới đây về nhà nước Văn Lang và Âu Lạc.    **- Nhận xét, kết luận.** | - HS làm việc nhóm đôi vào phiếu học tập.  - Các nhóm báo cáo kết quả.  **- Nhóm khác nhận xét, bổ sung.**  - HS lắng nghe. |
| **D. VẬN DỤNG** | |
| - Điền từ còn thiếu vào chỗ chấm cho thích hợp.    - Nhận xét tiết học. | - HS ghi đáp án vào bảng con.  - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:** .............................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

***Thứ năm ngày 24 tháng 10 năm 2024***

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**TỪ ĐA NGHĨA**

(1 tiết)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phát triển năng lực ngôn ngữ**

Hiểu đặc điểm của từ đa nghĩa; nhận biết được từ đa nghĩa, nghĩa gốc và nghĩa chuyển trong từ đa nghĩa.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Phát triển NL giao tiếp và hợp tác: chủ động thảo luận với bạn để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

- Phát triển NL tự chủ và tự học: chủ động tự giải quyết nhiệm vụ học tập.

- Phát triển NL sáng tạo: biết vận dụng những điều đã học để xác định từ đa nghĩa, xác định nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ đa nghĩa.

- Phát triển phẩm chất Chăm chỉ: Bồi dưỡng ý thức học tập chăm chỉ, cẩn thận.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV chuẩn bị: Máy tính, máy chiếu; phiếu học tập cho HS.

- HS chuẩn bị: SGK *Tiếng Việt 5*, tập một; *Sổ tay từ ngữ Tiếng Việt 5* (NXB ĐHSP TPHCM) hoặc từ điển tiếng Việt; *Vở bài tập* *Tiếng Việt 5*, tập một hoặc vở viết.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | |
| - GV có thể cho HS chơi Trò chơi Tiếp sức: *chọn cặp từ đồng nghĩa* ở phần khởi động.  \*Cách chơi: Chọn 2 đội chơi, mỗi đội 4 em, xếp thành một hàng dọc cách bảng 3m. Giáo viên chia đôi bảng, mỗi bên bảng viết hoặc dán “Từ đồng nghĩa”. Chuẩn bị cho mỗi đội 8 thẻ từ, mỗi thẻ có sẵn một trong các từ: *ba, lá cây, cha, nhỏ nhắn, lá cờ, mẹ, nhỏ xíu, má*  để ngửa trên bàn.  Lần lượt từng thành viên mỗi đội lên chọn 1 cặp từ đồng nghĩa thì lên bảng dán ở phần bảng đội của mình. Nếu từ đó không phải là cặp từ đồng nghĩa thì để qua 1 bên và về cuối hàng. Bạn tiếp theo sẽ thực hiện giống bạn trước đó. Nhóm nào hoàn thành hết thẻ từ trước, đúng nhiều hơn thì là đội thắng cuộc. GV lưu ý: trong các thẻ từ của mỗi đội sẽ có 1 cặp từ không phải là từ đồng nghĩa.  **- GV giới thiệu bài:** | - Học sinh chơi trò chơi *Tiếp sức* theo hướng dẫn của GV.  - HS lắng nghe GV giới thiệu, đọc thầm đề bài. |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN** **THỨC** | |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu đặc điểm của từ đa nghĩa (BT 1 – Phần Nhận xét)**  **\*Cách tiến hành:**  - GV gọi HS đọc yêu cầu của bài tập 1. Cả lớp đọc thầm theo.  - GV nêu lại yêu cầu Bài tập 1: Tìm nghĩa phù hợp với từ in đậm trong mỗi đoạn thơ, đoạn văn  **- GV hỏi: Từ in đậm là từ nào?**  **- GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm 4 làm vào VBT theo yêu cầu bài 1.**  **-** GV chiếu đề BT 1, mời các nhóm HS báo cáo kết quả (có thể tổ chức báo cáo theo hình thức thi hỏi – đáp giữa các nhóm hoặc thi ghép thẻ / nối đoạn thơ, đoạn văn với nghĩa tương ứng của từ ***chân***).  - GV: Từ *“****chân****”* trong các đoạn thơ, đoạn văn trên là từ đa nghĩa.  **Hoạt động 2: Nhận biết được từ đa nghĩa; Tìm hiểu nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ đa nghĩa. (BT 2 – Phần Nhận xét và Phần Bài học)**  - GV gọi HS đọc yêu cầu của bài tập 2. Cả lớp đọc thầm theo.  - GV nêu lại yêu cầu Bài tập 2: Nêu điểm giống nhau, khác nhau giữa ba nghĩa của từ “*chân*” trong BT 1.  **- GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm 2 làm vào VBT theo yêu cầu bài 2.**  **-** GV chiếu đề BT 2, mời đại diện các nhóm HS báo cáo kết quả.    - GV chiếu, chốt đáp án đúng:  **\* Điểm giống nhau:** “Chân” chỉ bộ phận dưới cùng của sự vật  **\* Điểm khác nhau:**  a) **Chân** com-pa, **chân** kiềng, **chân** bàn: chỉ bộ phận của vật, có tác dụng đỡ cho bộ phận khác.  b) **Chân** của người: chỉ bộ phận của cơ thể người hoặc động vật; dùng để đi, đứng.  c) **Chân** núi: chỉ bộ phận của vật, có vị trí tiếp giáp và bám chặt vào mặt nền.  - GV giới thiệu: Từ “***chân****”* trong các đoạn thơ, đoạn văn ở BT 1 là từ đa nghĩa. Trong từ *“chân”* này có nghĩa gốc (được dùng ở đoạn thơ b) và nghĩa chuyển (được dùng ở đoạn thơ a, đoạn văn c). Các nghĩa trong từ đa nghĩa “***chân”***có mối liên hệ với nhau: đều chỉ bộ phận dưới cùng của sự vật.  - GV đặt câu hỏi giúp HS rút ra bài học: *Qua hai bài tập vừa rồi, các em hiểu: từ đa nghĩa là gì?*  - GV nói thêm: Từ đa nghĩa là từ nhiều nghĩa, trong đó chỉ có một nghĩa gốc và một (hay một số) nghĩa chuyển. Các nghĩa của từ đa nghĩa bao giờ cũng có mối liên hệ với nhau.  Nghĩa gốc là nghĩa đầu tiên hoặc nghĩa có trước của từ ấy. Nghĩa chuyển là nghĩa biến đổi của từ ấy trên cơ sở nghĩa gốc.  - GV chiếu nội dung Bài học. Cho vài HS nhắc lại.  - GV chiếu lại Bảng điểm giống nhau, khác nhau giữa ba nghĩa của từ “*chân*” rồi yêu cầu HS phân tích để hiểu kĩ hơn về nghĩa gốc, nghĩa chuyển, để thấy mối liên hệ giữa nghĩa gốc và nghĩa chuyển | - HS đọc yêu cầu bài tập 1. Cả lớp đọc thầm.  - HS lắng nghe  - HS trả lời: từ “**chân**”  - HS thảo luận nhóm 4, làm VBT  - Các nhóm trình bày câu trả lời trước lớp.  a) **Chân** com-pa (***chân*** *đứng*, ***chân***  *quay*), **chân** kiềng, **chân** bàn - (3) Bộ phận dưới cùng của một số đồ dùng, có tác dụng đỡ cho các bộ  phận khác.  b) **Chân** của người (bàn **chân** của bé, **chân** đi khắp nhà). - (1) Bộ phận dưới cùng của cơ thể người hoặc động vật, dùng để đi, đứng.  c) **Chân** núi - (2) Phần dưới cùng của một số vật, tiếp giáp và bám chặt vào mặt nền.  - HS nhóm khác nhận xét  - HS lắng nghe  - HS đọc yêu cầu bài tập 2. Cả lớp đọc thầm.  - HS lắng nghe  - HS thảo luận nhóm 2, làm VBT  - Đại diện các nhóm trình bày trước lớp.  - Nhóm khác nhận xét  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS trả lời: *Từ đa nghĩa là từ nhiều nghĩa, trong đó có nghĩa gốc và nghĩa chuyển có mối liên hệ với nhau*.  - HS lắng nghe, ghi nhớ  - Vài HS nhắc lại phần Bài học  - HS phân tích lại nghĩa gốc, nghĩa chuyển của 3 từ “chân” ở bảng. |
| **C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP** | |
| **Hoạt động 3: Nhận biết được nghĩa gốc và nghĩa chuyển trong từ đa nghĩa; tìm được nghĩa chuyển của các từ đa nghĩa từ nghĩa gốc của nó. (BT 1, BT 2 – Phần Luyện tập)**  **\*Cách tiến hành:**  ***\*Bài tập 1:***  - Mời 1 HS đọc yêu cầu BT 1.    - GV nhắc lại yêu cầu BT 1: *Tìm nghĩa gốc và nghĩa chuyển các từ* ***“mặt”, “xanh”, “chạy”*** *trong các câu dưới đây.*  - GV hướng dẫn HS làm mẫu với từ ***“mặt”*** của câu **1a** để HS hiểu thế nào là nghĩa gốc (nghĩa ban đầu, từ đó sinh ra các nghĩa khác), thế nào là nghĩa chuyển (nghĩa sinh ra từ nghĩa gốc).    *-* GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi làm vào VBT câu **1b, 1c.**  - GV tổ chức cho các nhóm trình bày trước lớp.      - GV nhận xét, chốt:  **b)** + Hoa càng đỏ, lá càng **xanh**. : nghĩa gốc (“xanh” ở câu này mang nghĩa ban đầu)  + … mái tóc cho thật dài, thật **xanh**. : nghĩa chuyển (“xanh” ở câu này là nghĩa biến đổi từ nghĩa gốc - màu xanh)  **c)** + … mấy chiếc thuyền đang **chạy** ra khơi,… : nghĩa chuyển (“chạy” ở câu này là nghĩa biến đổi từ nghĩa gốc - hoạt động chạy của người)  + … em **chạy** vội ra phía bờ sông. : nghĩa gốc (“chạy” ở câu này mang nghĩa ban đầu)  - GV hỏi: Các từ *“mặt”, “xanh”, “chạy*” trong các câu trên là từ gì?  ***\*Bài tập 2:***  - Mời 1 HS đọc yêu cầu BT 2.    - GV hỏi: Theo yêu cầu BT 2, các từ chỉ bộ phận cơ thể người và động vật thường là loại từ gì?  - GV hướng dẫn HS làm mẫu: tìm một số ví dụ về nghĩa chuyển của từ ***“răng”*** – GV có thể chiếu 1 số hình ảnh *răng cào, răng bừa, bánh răng, …* cho HS xem  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 4 làm vào PHT (theo kĩ thuật khăn trải bàn) tìm một số ví dụ về nghĩa chuyển của các từ: *cổ, miệng, tay, mắt*  - GV tổ chức cho các nhóm trình bày trước lớp theo trò chơi *Xì điện.* Trong lúc chơi,GV có thể vừa nhận xét, vừa hỏi: *Từ đa nghĩa mà em vừa nêu được dùng với nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?*  - GV nhận xét, tuyên dương, chốt đáp án đúng.  + ***Cổ*:** cổ chai, cổ hũ, cổ lọ, cổ bình, cổ tay, cổ chân, cổ áo,…  + ***Miệng*:** miệng chai, miệng bát, miệng chén, miệng giếng, miệng nồi, miệng núi lửa, miệng ăn (chỉ người ăn trong gia đình),…  + ***Tay*:** tay áo, tay lái (bộ phận của cái xe), tay lái (chỉ người lái xe), tay vợt (chỉ người chơi bộ môn thể thao dùng vợt, VD: tay vợt ten nít), tay tre (cành của cây tre), tay mướp / su su / bí (tua bám của cây mướp / su su / bí),…  + ***Mắt*:** mắt kính, mắt của quả na, mắt cây (cục u nổi trên thân cây), mắt bão, mắt thần (của thiết bị điện tử),…  - GV nhận xét, hướng dẫn HS tìm hiểu mối liên hệ giữa các nghĩa trong mỗi từ.  VD: *cổ chai*: một vị trí trên cái chai, có hình dáng giống với cổ của người; *cổ áo*: bộ phận của cái áo, khi mặc sẽ ôm lấy phần cổ của người mặc. | - HS đọc yêu cầu BT 1. Cả lớp đọc thầm.  - HS lắng nghe  - 1 HS trả lời theo yêu cầu của GV câu **1a**:  + Bác đội mũ, khăn trùm gần kín **mặt**,… : nghĩa gốc (“mặt” ở câu này mang nghĩa ban đầu)  + … những miếng vá trên **mặt** đường. : nghĩa chuyển (“mặt” ở câu này là nghĩa biến đổi từ nghĩa gốc - mặt người)  - HS thảo luận nhóm đôi làm vào VBT.  - Đại diện HS các nhóm trình bày ý kiến trước lớp  - HS khác nhận xét  - HS lắng nghe  - HS trả lời: Các từ *“mặt”, “xanh”, “chạy”* là từ đa nghĩa.  - HS đọc yêu cầu BT 2. Cả lớp đọc thầm.  - HS trả lời: Từ đa nghĩa  - HS trả lời: *răng cào, răng bừa, răng lược, răng cưa, bánh răng (của máy móc),…* - HS quan sát  - HS thảo luận nhóm 4 làm vào PHT  - Các nhóm trả lời theo hình thức trò chơi Xì điện  - HS lắng nghe  - HS trả lời theo yêu cầu của GV. |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |
| - GV hỏi: + Bài học hôm nay giúp các em biết được điều gì?    + Điều đó giúp em việc gì?      - GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS làm bài tốt.  - Dặn dò: Dặn HS về nhà tìm thêm những từ đa nghĩa để chia sẻ trước lớp vào tiết sau. | - HS trả lời: + Nhận biết các từ đa nghĩa, nghĩa gốc và nghĩa chuyển trong từ đa nghĩa.  + Hiểu biết đó giúp em hiểu rõ hơn về nội dung của câu văn, bài văn; giúp em lựa chọn từ đúng trong nói và viết. Khi gặp một từ có nhiều nghĩa, em có thể dựa vào ngữ cảnh để xác định ý nghĩa chính xác của từ trong trường hợp cụ thể.  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:** .............................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**TOÁN: HÉC - TA**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Hình thành cho HS biểu tượng về đơn vị đo diện tích héc-ta (tên gọi, kí hiệu).

- HS đọc, viết được các số đo diện tích theo đơn vị đo diện tích héc-ta.

- HS đổi được số đo DT: 1ha = 10 000m2; 10 000m2 = 1ha.

- HS vận dụng được kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề thực tế có liên quan đến đơn vị đo diện tích héc-ta.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập. Xác định nhiệm vụ của nhóm, trách nhiệm của bản thân đưa ra ý kiến đóng góp hoàn thành nhiệm vụ của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

- Tư duy lập luận toán học.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: HS chủ động hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: HS yêu thích, say mê môn Toán, có trách nhiệm với công việc chung của nhóm.

- Phẩm chất trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

- Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.

- Nhân ái, tôn trọng, giúp đỡ bạn cùng tiến bộ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. GV:**

- TV, máy tính, bảng phụ, bài giảng PPT, phấn màu.

**2. HS:**

- Bút dạ, bảng con.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)** | |
| - GV cho HS quan sát bức tranh cánh đồng dạng hình vuông có cạnh khoảng 100m.  - GV gọi HS chia sẻ trước lớp.  - GV cho nhận xét và giới thiệu bài. | - HS quan sát và đưa ra dự đoán: Để đo DT của những khu vực có DT rộng lớn, người ta cần có đơn vị đo DT lớn hơn để biểu thị.  - HS chia sẻ trước lớp.  - HS lắng nghe. |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (10 phút)** | |
| \* Giới thiệu đơn vị đo DT héc-ta (ha)  - GV giới thiệu để HS lắng nghe: Để đo các khu vực có DT lớn (khu công nghiệp, cánh đồng, …) người ta thường dùng đơn vị đo DT là héc-ta. Kí hiệu: ha. Héc-ta là DT của hình vuông có cạnh 100m.  + Vậy 1ha bằng bao nhiêu m2?  - GV gọi HS chia sẻ.  - GV cho nhận xét.  - GV yêu cầu HS lấy VD về số đo DT có đơn vị héc-ta rồi đổi ra m2. | - HS lắng nghe và nêu:  + 1ha = 10 000 m2. 10 000 m2 = 1ha.  - HS chia sẻ, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS lấy VD rồi chia sẻ trước lớp. |
| **C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP (15 phút)** | |
| **Bài 1:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS đọc các số đo, viết các số đo ra bảng con.  - GV gọi HS chia sẻ trước lớp.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực.  **Bài 2:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS làm bài vào vở rồi chia sẻ theo cặp đôi.  - GV cho HS chia sẻ bài làm.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực.  \* Củng cố dặn dò (3 phút)  - GV cho HS nhắc lại các đơn vị đo DT đã học, mối quan hệ giữa m2 và ha.  - GV dặn HS xem và chuẩn bị trước bài sau. | - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS đọc, viết các số đo:  a, 135ha: một trăm ba mươi lăm héc-ta  ha: một phần tư héc-ta  3,2ha: ba phẩy hai héc-ta  15,28ha: mười lăm phẩy hai mươi tám héc-ta  b, Sáu nghìn bốn trăm ba mươi héc-ta: 6430ha  Mười hai phẩy năm héc-ta: 12,5ha  Một trăm ba mươi lăm phẩy sáu mươi hai héc-ta: 135,62ha  - HS chia sẻ trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS làm vở rồi chia sẻ theo cặp đôi:  4ha = 40 000 m2. 80 000 m2 = 8ha.  10ha = 100 000 m2. 600 000 m2 = 60ha.  275ha = 2 750 000 m2. ha = 7 500 m2 .  - HS chia sẻ bài trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS nhắc lại.  - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:** .............................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**KHOA HỌC: NĂNG LƯỢNG VÀ NĂNG LƯỢNG CHẤT ĐỐT**

**( Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Nêu được một số nguồn năng lượng chất đốt và vai trò của chúng trong đời

sống và sản xuất.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự học: HS quan sát hình ảnh, đọc thông tin trong SGK, tìm kiếm thông tin qua sách báo, internet.

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: HS trao đổi, trình bày ý kiến về vai trò của chất đốt.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: HS có ý thức bảo vệ môi trường .

- Phẩm chất chăm chỉ: HS ham tìm hiểu, học hỏi.

- Phẩm chất trung thực: Trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. GV:**

- Tranh ảnh, clip sưu tầm thêm về các nguồn năng lượng, về sử dụng năng lượng chất đốt.

**2. HS:**

- Bút dạ, bút màu, giấy A3.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Hoạt động khởi động ( 5 phút )** | |
| **+ Kể tên các** nguồn cung cấp năng lượng cho hoạt động của con người, máy móc, ....  - GV cho nhận xét và giới thiệu bài. | + HS chia sẻ.  - HS lắng nghe. |
| 1. **Khám phá kiến thức mới ( 12 phút )**   **2. Năng lượng chất đốt**  ***Hoạt động 2: Tìm hiểu về vai trò một số loại chất đốt*** | |
| *Bước 1. Làm việc nhóm*  GV yêu cầu HS quan sát các hình 7 – 10, trang 25 SGK, thảo luận :  + Kể tên chất đốt được sử dụng trong hình.  + Nêu vai trò của chúng  *Bước 2. Làm việc cả lớp*  – GV yêu cầu một số đại diện nhóm HS trình bày kết quả, các nhóm khác nhận xét, bổ sung ; (nếu có).   * GV nhận xét, bổ sung , kết luận về một số chất đốt.   – Tiếp theo, GV yêu cầu HS đọc nội dung mục Em có biết, trang 25 SGK, có thể giới thiệu thêm hình ảnh, clip về khai thác, sản xuất chất đốt.  *Bước 3. Làm việc nhóm*  − GV cho HS làm việc nhóm, trả lời các câu hỏi trong mục Thảo luận và Luyện tập, Vận dụng, trang 26 SGK:  1. Than đá được sử dụng vào những việc gì? Ngoài than đá, kể tên một số loại than khác mà em biết.  2. Xăng, dầu được sử dụng vào việc gì?  3. Nêu ích lợi của việc sử dụng khí sinh học.  4. Gia đình và địa phương em thường sử dụng chất đốt vào những việc gì?  *Bước 4. Làm việc cả lớp*  GV yêu cầu một số nhóm HS trình bày kết quả. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. | - HS quan sát tranh, thảo luận theo nhóm  - HS chia sẻ, HS khác bổ sung cho bạn.  + Hình 1: Chất đốt là than. Than cháy sinh ra năng lượng làm quay tua bin chạy máy phát điện và sinh ra điện.  + Hình 2: Chất đốt là ga. Ga cháy sinh ra năng lượng nhiệt làm thức ăn chín.  + Hình 3: Chất đốt là củi. Củi cháy sinh ra năng lượng nhiệt làm thức ăn chín.  + Hình 4: Chất đốt là xăng dầu. Xăng dầu bị đốt cháy sinh ra năng lượng làm xe di chuyển được.  - HS lắng nghe.  - HS đọc  - HS thảo luận theo nhóm   * Than được sử dụng làm chất đốt trong gia đình, ở lò hơi của nhà máy nhiệt điệt, luyện kim, .... * Các loại than khác: than bùn, than củi, than họa tính, than chì, than cốc, than mỏ * Xăng dầu dùng làm chất đốt để chạy máy móc * Khí sinh học là nguôn chất đốt được sử dụng trong đun nấu, tạo ra điện để thắp sáng, ....Sử dụng khí sinh học thay thế các chất đốt truyền thống giúp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, giảm lượng chất thải, giảm hiệu ứng nhà kính gây biến đổi khí hậu… * HS trả lời * HS chia sẻ trước lớp |
| 1. **Hoạt động thực hành, luyện tập ( 15 phút )**   ***Hoạt động 3: Thực hành tìm hiểu vai trò của chất đốt*** | |
| *Bước 1. Làm việc nhóm*  GV yêu cầu nhóm trưởng cùng các bạn trong nhóm:  – Lựa chọn một trong các chủ đề về vai trò của chất đốt.  – Phân công trong nhóm, tiến hành thu thập thông tin, hình ảnh theo chủ đề đã chọn. – Tổng hợp và trình bày kết quả của nhóm.  *Bước 2. Làm việc cả lớp*  − GV cho một số nhóm báo cáo và thảo luận chung cả lớp.  - GV nhận xét, khen ngợi  - Kết thúc hoạt động này, GV yêu cầu HS đọc nội dung mục Chìa khoá, trang 26 SGK. | - HS thảo luận theo nhóm và viết kết quả thảo luận ra giấy A3   * Đại diện nhóm trình bày * HS đọc |
| **D. Hoạt động vận dụng ( 3 phút )** | |
| - Về nhà hãy chia sẻ với người thân về ích lợi của việc sử dụng chất đốt trong đời sống.  - GV dặn HS xem và chuẩn bị trước bài sau. | - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ.  - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:** .............................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

***Thứ sáu ngày 25 tháng 10 năm 2024***

**BÀI VIẾT 2**

**LUYỆN TẬP TẢ NGƯỜI**

***(Tả hoạt động, tính cách)***

(1 tiết)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù**

***1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ***

- Viết được đoạn văn tả hoạt động, tính cách của người; thể hiện được tình cảm của mình đối với người được tả. Đoạn văn mắc ít lỗi chính tả, ngữ pháp.

***1.2. Phát triển năng lực văn học***

- Viết được đoạn văn mạch lạc có một số từ ngữ giàu hình ảnh, cảm xúc.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Phát triển NL giao tiếp và hợp tác: HS biết giới thiệu bài viết, thể hiện rõ ràng suy nghĩ, tình cảm của bản thân

- Phát triển NL tự chủ và tự học: HS tự giải quyết nhiệm vụ học tập, viết được đoạn văn; sửa lỗi và hoàn thiện đoạn văn.

- Phát triển NL giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS bước đầu biết sử dụng từ ngữ sáng tạo để biểu đạt nội dung.

- Bồi dưỡng PC chăm chỉ, trách nhiệm: hoàn thành nhiệm vụ học tập; PC nhân ái: nhìn nhận những điểm tích cực ở bạn, yêu quý bạn.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV chuẩn bị: máy tính, máy chiếu; phiếu học tập hoặc vở ôli dành cho HS.

- HS chuẩn bị: SGK *Tiếng Việt 5*, tập một.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | |
| **-** GV có thể kiểm tra bài cũ bằng trò chơi “Lật mảnh ghép” với các nội dung dưới đây:  +MG1: *- Đoạn văn tả ngoại hình của người nằm ở phần nào của bài văn tả người?*  +MG2: *- Hát một bài hát về bạn bè mà bạn biết.*  +MG3: - *Phần thân bài của bài văn tả người sẽ tả những gì của người?*  **- GV giới thiệu bài:** Ở Bài viết 1, các em đã tập viết đoạn văn tả ngoại hình của người. Hôm nay, các em sẽ tập viết đoạn văn tả hoạt động, tính cách của người qua bài: *Luyện tập tả người (tả hoạt động, tính cách)* | - Học sinh chơi trò chơi khởi động “Lật mảnh ghép”.  - HS lắng nghe GV giới thiệu, đọc thầm đề bài. |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN** **THỨC** | |
| **Hoạt động 1: Nhận xét về cách tả hoạt động, tính cách của người trong các đoạn văn (BT1)**  **\*Cách tiến hành:**  - GV mời 2 HS đọc nối tiếp yêu cầu của bài tập 1, phần Gợi ý. Cả lớp đọc thầm theo.  - GV hỏi: Hai đoạn văn vừa đọc tả hoạt động và tính cách của ai?  - GV nêu một số việc chính cần thực hiện:  + Đọc 2 đoạn văn và các CH yêu cầu trong khung Gợi ý.  + Trả lời yêu cầu: nhận xét về cách tả hoạt động, tính cách của bạn Thắng và cô Chấm  - GV cho HS thảo luận nhóm 4 để trả lời các câu hỏi ở BT1. Sau đó cho các nhóm hỏi đáp trước lớp (có thể cho hỏi đáp xen kẽ, mỗi người hỏi 1 câu, hoặc cho hỏi đáp hết lượt và đổi vai hỏi lại).  *+ Cách tả hoạt động, tính cách của nhân vật.*  *+ Tác giả tả những hoạt động nào của nhân vật?*  *+ Các hoạt động đó được miêu tả theo trình tự như thế nào?*  *+ Hoạt động của người được tả thể hiện điều gì về tính cách của nhân vật?*  *+ Tìm những từ ngữ, chi tiết thể hiện sự quan sát tinh tế và chính xác của tác giả.*  *+ Tác giả thể hiện tình cảm đối với nhân vật qua những từ ngữ, chi tiết nào?*      - Gọi đại diện một số nhóm báo cáo kết quả thảo luận  *-* GV nói thêm:  + Nên chọn miêu tả những chi tiết tiêu biểu về hoạt động, tính cách của người được tả.  + Cách sắp xếp các chi tiết thường thấy là theo trật tự trước – sau của các hoạt động (theo thời gian), nhưng người viết có thể sắp xếp theo ý của mình.  + Cần thể hiện tình cảm của bản thân đối với người được tả; nên sử dụng từ ngữ giàu hình ảnh, cách nói so sánh,... để miêu tả một cách sinh động. | - HS đọc nối tiếp yêu cầu bài tập 1, phần Gợi ý. Cả lớp đọc thầm.  - HS trả lời: Đoạn văn a: Tả bạn Thắng  Đoạn văn b: Tả cô Chấm  - HS lắng nghe  - HS thảo luận nhóm 4 để trả lời các câu hỏi ở BT1.  + a) Tả hoạt động, qua đó nói lên tính cách của nhân vật.  b) Nêu nhận xét về tính cách của nhân vật và minh hoạ cho mỗi nhận xét bằng một hoặc một vài hoạt động.  + a) Tác giả tả các hoạt động: vá lưới, ngóng chờ bạn, ra hiệu với bạn, đu mình xuống nước, lặn biến đi.  b) Tác giả tả các hoạt động: ra đồng, ăn mặc, đi xem phim, khóc.  + a) Các hoạt động đó được miêu tả theo trình tự thời gian  b) Các hoạt động đó được miêu tả theo trình tự từ hoạt động lao động đến cách ăn mặc (chọn trang phục), cách bộc lộ cảm xúc.  + a) Thắng là cậu bé chăm chỉ, nhanh nhẹn, khéo léo (chăm vá lưới, vá rất khéo); bơi lặn giỏi (đu mình xuống nước êm không một tiếng động, lặn biến đi như một con cá).  b) Cô Chấm là người chăm chỉ (không làm thì chân tay cứ bứt rứt; ra đồng từ sớm mồng Hai Tết, dẫu có bắt ở nhà cũng không được).  Cô Chấm là người giản dị (không đua đòi may mặc; mộc mạc như hòn đất).  Cô Chấm rất rắn rỏi nhưng hay nghĩ ngợi, dễ cảm thương (khóc khi xem những cảnh ngộ trong phim; khóc cả trong giấc mơ)  + a) Một số từ ngữ, chi tiết: Tay cậu bé cầm kim tre đưa lên đưa xuống thoăn thoắt; nó rón rén, bám tay vào cọc chèo, đu mình xuống nước êm không một tiếng động; nó ngụp một cái, lặn biến đi như một con cá;...  b) Một số từ ngữ, chi tiết: Mùa hè, Chấm mặc một áo cánh nâu; mùa đông hai áo cánh nâu; Chấm mộc mạc như hòn đất; Chấm hay nghĩ ngợi, dễ cảm thương: những cảnh ngộ trong phim làm Chấm khóc gần suốt buổi; trong giấc mơ, Chấm lại khóc.  + a) Tác giả chọn một số chi tiết tiêu biểu để thể hiện tình cảm của bản thân, dùng từ ngữ phù hợp để thể hiện tình cảm đối với người được tả (thoăn thoắt, thành thạo, êm không một tiếng động, lặn biến đi như một con cá, bọn trẻ vừa ghen vừa phục).  b) Tác giả chọn một số chi tiết tiêu biểu để thể hiện tình cảm của bản thân, dùng từ ngữ phù hợp để thể hiện tình cảm đối với người được tả (hay làm thực sự, không đua đòi; mộc mạc như hòn đất, rắn rỏi, hay nghĩ ngợi, dễ cảm thương).  - Đại diện các nhóm trả lời.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe |
| **C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP** | |
| **Hoạt động 2: Dựa theo dàn ý đã lập ở Bài 3 (trang 38), viết đoạn văn tả hoạt động, tính cách của một người bạn mà em quý mến. (BT 2)**  **\*Cách tiến hành:**  - Mời 1 HS đọc yêu cầu BT 2.  *-* GV hỏi:  + Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?    + Khi tả hoạt động, tính cách của người, ta viết như thế nào?    - GV yêu cầu HS dựa vào dàn ý đã lập ở Bài 3 (trang 38), viết đoạn văn vào phiếu bài tập (hoặc vở ô li).  GV tạo không khí yên tĩnh để HS làm bài; theo dõi, giải đáp thắc mắc cho HS (nếu HS thắc mắc); khuyến khích HS khá, giỏi lựa chọn từ ngữ, viết câu có hình ảnh, thể hiện cảm xúc của bản thân.  - Gọi HS đọc lại bài viết, sửa lỗi, hoàn thiện bài viết.  - GV tuyên dương, sửa chữa sai sót (nếu có) | - HS đọc yêu cầu BT 2  - HS trả lời:  + Dựa theo dàn ý đã lập ở Bài 3 (trang 38), viết đoạn văn tả hoạt động, tính cách của một người bạn mà em quý mến.  + Đoạn văn cần viết phải theo trật tự trước – sau của các hoạt động nhưng cũng có thể sắp xếp theo ý của mình. Khi viết, cần thể hiện cảm xúc của mình đối với người được tả; nên chọn những đặc điểm nổi bật về hoạt động, tính cách để tả bạn và nhớ dùng từ ngữ giàu hình ảnh, cách nói so sánh để miêu tả một cách sinh động.  - HS viết đoạn văn tả hoạt động, tính cách của một người bạn mà em quý mến vào phiếu bài tập (hoặc vở ô li).  - HS đọc đoạn văn mình viết.  - HS khác nhận xét. |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |
| - GV dặn HS về nhà sửa lại các lỗi mà mắc phải khi viết đoạn văn và viết lại đoạn văn theo yêu cầu.  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS viết tốt.  - Dặn dò: Dặn HS xem trước và chuẩn bị cho tiết Bài đọc 3: *Tục ngữ về ý chí, nghị lực.* | - HS lắng nghe  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:** .............................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**TOÁN: HÉC - TA (TIẾP THEO)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Hình thành cho HS biểu tượng về đơn vị đo diện tích héc-ta (tên gọi, kí hiệu).

- HS đọc, viết được các số đo diện tích theo đơn vị đo diện tích héc-ta.

- HS đổi được số đo DT: 1ha = 10 000m2; 10 000m2 = 1ha.

- HS vận dụng được kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề thực tế có liên quan đến đơn vị đo diện tích héc-ta.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập. Xác định nhiệm vụ của nhóm, trách nhiệm của bản thân đưa ra ý kiến đóng góp hoàn thành nhiệm vụ của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

- Tư duy lập luận toán học.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: HS chủ động hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: HS yêu thích, say mê môn Toán, có trách nhiệm với công việc chung của nhóm.

- Phẩm chất trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

- Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.

- Nhân ái, tôn trọng, giúp đỡ bạn cùng tiến bộ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. GV:**

- TV, máy tính, bảng phụ, bài giảng PPT, phấn màu.

**2. HS:**

- Bút dạ, bảng con.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)** | |
| - GV cho HS nhắc lại các đơn vị đo DT đã học, mối quan hệ giữa m2 và ha.  - GV gọi HS chia sẻ trước lớp.  - GV cho nhận xét và giới thiệu bài. | - HS nhắc lại.  - HS chia sẻ trước lớp.  - HS lắng nghe. |
| **B. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP (20 phút)** | |
| **Bài 3:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS làm vở rồi chia sẻ theo cặp.  - GV gọi HS chia sẻ trước lớp.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực.  **Bài 4:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS suy nghĩ rồi chia sẻ theo cặp đôi.  - GV cho HS chia sẻ bài làm.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực.  **Bài 5:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS làm nháp rồi chia sẻ theo cặp đôi.  - GV cho HS chia sẻ bài làm.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực. | - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS làm vở rồi chia sẻ theo cặp:  a, DT sân vận động Mỹ Đình là:  105 x 68 = 7140 (m2)  Vì 7140m2 < 10 000m2 nên DT SVĐ Mỹ Đình nhỏ hơn 1ha.  b, Đổi 10 000m2 = 1ha  Ta có: 10 000 : 25 = 400  Nên nhiều nhất có 400 xe ô tô con cùng đỗ trong bãi đỗ xe.  - HS chia sẻ trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS suy nghĩ rồi chia sẻ theo cặp đôi:  22 200ha = 222 000 000 m2.  DT rừng Cúc Phương khoảng 222 000 000 m2.  - HS chia sẻ bài trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS làm nháp rồi chia sẻ theo cặp đôi:  a, DT quảng trường Ba Đình là:  100 x 320 = 32 000 (m2)  Bạn Hương nói đúng.  b, Cứ 1m2 có 4 người đứng thì quảng trường chứa được: 32 000 x 4 = 128 000 (người)  - HS chia sẻ bài trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe. |
| **C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM (10 phút)** | |
| - GV cho HS nhắc lại các đơn vị đo DT đã học, mối quan hệ giữa m2 và ha.  - GV yêu cầu HS về nhà tìm hiểu thêm DT của một số vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, sân vận động, … và chia sẻ cho bạn cùng biết.  - GV dặn HS xem và chuẩn bị trước bài sau. | - HS nhắc lại.  - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ.  - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:** .............................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**LỊCH SỬ & ĐỊA LÍ: NƯỚC VĂN LANG, ÂU LẠC (tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

**- Sử dụng kiến thức lịch sử và một số truyền thuyết lịch sử (Sơn Tinh, Thuỷ Tinh, Thánh Gióng, Sự tích nỏ thần,...), mô tả được đời sống kinh tế và công cuộc đấu tranh bảo vệ nhà nước Văn Lang, Âu Lạc.**

**2. Năng lực chung**

**- Tự chủ và tự học: sưu tầm tư liệu về nước Văn Lang, Âu Lạc.**

**- Giao tiếp và hợp tác: tham gia hoạt động nhóm, trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập về nước Văn Lang, Âu Lạc.**

**- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: thực hiện nhiệm vụ học tập và trình bày kết quả thể hiện sự sáng tạo.**

**3. Phẩm chất**

**- Yêu nước: Tự hào và biết ơn tổ tiên đã có công dụng nước và giữ nước thời Văn Lang, Âu Lạc.**

**- Trách nhiệm trân trọng, giữ gìn những giá trị văn hoá, truyền thống của tổ tiên.**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: TV, máy tính, bảng phụ, bài giảng PPT,

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. KHỞI ĐỘNG** | |
| **- Trò chơi: Giúp người qua đường**    **- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới.** | **- HS lắng nghe GV giới thiệu luật chơi, ghi nhanh đáp án vào bảng con.**  - HS lắng nghe. |
| **B. KHÁM PHÁ KIẾN THỨC**  **\* Đời sống kinh tế và công cuộc đấu tranh bảo vệ nước Văn Lang, Âu Lạc** | |
| **1. Đời sống kinh tế**  **- GV hướng dẫn HS đọc mục 2 trong SGK trang 27 và làm việc theo nhóm 4, thực hiện các nhiệm vụ học tập:**  **+ Mô tả đời sống kinh tế của nước Văn Lang, Âu Lạc.**  **+ Câu chuyện Sơn Tinh, Thuỷ Tinh phản ánh điều gì?**  **- Khuyến khích HS sáng tạo trong cách thức mô tả (sơ đồ tư duy, tranh ảnh,…)**  **- GV nhận xét, chuẩn xác kiến thức về đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc:**  **+ Nông nghiệp: biết trồng lúa nước và các loại rau, củ; biết chăn nuôi, đánh bắt cá.**  **+ Thủ công nghiệp: làm gốm, làm mộc, dệt vải, đúc đồng, rèn sắt,...**  **+ Câu chuyện *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* phản ảnh sự nỗ lực trong chế ngự lũ lụt để phát triển sản xuất nông nghiệp của người Việt cổ.**  **- GV nêu yêu cầu: Tìm hiểu và chia sẻ với bạn học về truyện *Bánh chưng, bánh giầy; Mai An Tiêm; Truyền trầu cau*.** | - 2 HS đọc to nội dung trước lớp (1 HS đọc phần *Đời sống kinh tế*, 1 HS đọc câu chuyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh*), cả lớp đọc thầm SGK.    - Các nhóm làm nhiệm vụ.  **- Đại diện các nhóm HS báo cáo kết quả làm việc nhóm.**  **- HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.**  - HS lắng nghe.  - HS chia sẻ cùng bạn (nhóm đôi) và trước lớp. |
| **2. Đấu tranh bảo vệ đất nước**  **- GV giao nhiệm vụ HS:**  **+ Đọc thông tin và mô tả cuộc đấu tranh bảo vệ nước Văn Lang, Âu Lạc.**  **+ Câu chuyện Thánh Gióng và Sự tích nỏ thần thể hiện điều gì?**  **- GV nhận xét, chốt kiến thức:**  **+ Người Việt đã tiến hành các cuộc kháng chiến chống giặc Ân để bảo vệ nước Văn Lang; kháng chiến chống quân Triệu để bảo vệ nước Âu Lạc.**  **+ Truyền thuyết *Thánh Gióng, Sự tích nỏ thần* thể hiện tinh thần yêu nước, quá trình đấu tranh chống ngoại xâm của người Việt từ xa xưa.** | - 3 HS đọc to nội dung trước lớp (1 HS đọc phần *Đấu tranh bảo vệ đất nước*, 1 HS đọc câu chuyện *Thánh Gióng,* 1 HS đọc câu chuyện *Sự tích nỏ thần*), cả lớp đọc thầm.  - HS làm nhiệm vụ theo nhóm 4.  **- Đại diện các nhóm HS trình bày kết quả làm việc nhóm.**  **- HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.**  - HS lắng nghe. |
| **C. THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP** | |
| **- Trò chơi: *Giải ô chữ.***  **- GV phổ biến luật chơi.**  **- Nhận xét, tuyên dương nhóm thắng cuộc.** | - HS chia thành 2 đội. Đội nào giải được ô chữ hàng dọc trước sẽ thắng cuộc. |
| **D. VẬN DỤNG** | |
| **- GV nêu câu hỏi: V***ì sao thời Âu Lạc có thế mạnh hơn Văn Lang, xây dựng thành Cổ Loa kiên cố và có nhiều vũ khí tốt nhưng lại để mất nước?*  **- GV giới thiệu về cấu trúc thành Cổ Loa.**  **- GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành một trong hai nhiệm vụ:**  **+ Sưu tầm tư liệu và giới thiệu về nước Văn Lang…**  **+ Đóng vai một thuyết minh viên trong bảo tàng lịch sử, hãy giới thiệu về nước Âu Lạc…**  - Nhận xét tiết học | - HS nêu theo ý hiểu.    - HS quan sát, lắng nghe.  - HS thảo luận lựa chọn nhiệm vụ để về nhà chuẩn bị (nhóm 6).  - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:** .............................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................